

meototee  
ĐỀ THI LUẬT KINH TẾ

**MỤC LỤC**

Một số đề thi các năm .....	2
1. Ca thi 3 – Ngày thi 3-7-2020 .....	3
2. Ca thi 4 – Đề thi ngày 25-10-2019 .....	6
3. Ca thi 1 – Đề thi ngày 08-7-2019 .....	10
4. Ca thi 1 - Đề thi ngày 21-6-2019 .....	14
5. Ca thi 1 – Đề thi ngày 10-4-2019 .....	19
6. Ca thi 2 – Ngày thi 8-1-2019 .....	24
7. Ca thi 4 – Đề thi ngày 23-10-2018 .....	28
8. Ca thi 2 – Đề thi ngày 12-10-2017 .....	32
9. Ca thi 1 – Đề thi ngày 27-6-2017 .....	36
10. Ca thi 2 – Đề thi ngày 27-3-2017 .....	41
11. Ca thi 2 – Đề thi ngày 31-12-2015 .....	46

Một số đề thi các năm

**1. Ca thi 3 – Ngày thi 3-7-2020**

**Câu 1:**

Khẳng định sau đây Đúng hay Sai? Giải thích ngắn gọn!

1. *Mỗi cổ đông trong công ty cổ phần chỉ có một phiếu biểu quyết.*
2. *Trong trường hợp thành viên công ty TNHH 2 TV trở lên có thể sử dụng phần vốn góp của mình để trả nợ thì người nhận thanh toán đương nhiên trở thành thành viên của công ty.*

**Câu 2:**

Ngày 12/7/2015, ông X thành lập Doanh nghiệp tư nhân Siêu Nhân X với số vốn đầu tư là 10 tỷ đồng. Sau đó, ông X dùng 3 tỷ đồng của mình cùng Tỷ, Sửu, Mão tiếp tục thành lập Công ty TNHH Tiến Lợi (tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các thành viên là: X – 30%, Tỷ – 30%, Sửu – 36%, Mão – 4%). Hỏi:

1. *Việc thành lập công ty TNHH của ông X có hợp pháp không? Giải thích?*
2. *Sau 1 thời gian kinh doanh, ông X muốn sáp nhập DNTN do mình làm chủ vào Công ty TNHH Tiến Lợi. Hãy tư vấn cho ông X để việc sáp nhập này diễn ra thành công? Giải thích?*
3. *Giá sử việc sáp nhập không thành công. Ngày 24/10/2016, cuộc họp HĐQT của Công ty TNHH Tiến Lợi diễn ra với sự có mặt của X và Mão. Bà Sửu do có việc bận đã gửi phiếu biểu quyết của mình đến cuộc họp bằng thư trước ngày cuộc họp diễn ra. Hỏi: Cuộc họp HĐQT có đủ điều kiện tiến hành không? Giải thích?*
4. *Ngày 30/12/2016, công ty Tiến Lợi (trụ sở chính tại Quận Thành Xuân, TP. Hà Nội) ký hợp đồng với công ty Tiến Đạt (trụ sở chính tại Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội). Theo đó, công ty Tiến Lợi có nghĩa vụ xây dựng cho công ty Tiến Đạt 1 khách sạn tại thị xã Sapa, Tỉnh Lào Cai trong thời hạn 12 tháng. Tuy nhiên, đến tháng 2/2018, công ty Tiến Lợi chưa bàn giao công trình cho công ty Tiến Đạt. Lấy lý do là công ty Tiến Lợi vi phạm hợp đồng, công ty Tiến Đạt đã yêu cầu công ty Tiến Lợi phải chịu phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại. Hỏi: Yêu cầu trên của công ty Tiến Đạt có hợp pháp không? Giải thích?*

Biết rằng trong hợp đồng có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không có thỏa thuận về bồi thường thiệt hại.

5. *Ngày 30/9/2018, do không thống nhất được phương án giải quyết tranh chấp, công ty Tiến Đạt đã khởi kiện công ty Tiến Lợi ra Tòa án. Hỏi: Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên? Giải thích?*

6. *Ngày 10/7/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với công ty Tiến Lợi. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã phát hiện ngày 5/1/2019, công ty Tiến Lợi*

đã thanh toán số tiền 2 tỷ đồng cho khoản nợ (chưa đến hạn) cho công ty A theo hợp đồng đã ký. Vì vậy, ngày 20/7/2019, Tòa án đã ra quyết định tuyên bố giao dịch này vô hiệu. Hỏi: *Quyết định trên của Tòa án TP. Hà Nội có hợp pháp không? Nếu không đồng ý với quyết định của Tòa án, công ty Tiến Lợi có thể làm đơn đến chủ thể nào để xem xét lại quyết định trên? Giải thích?*

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

Ca thi 3 – Ngày thi 3/7/2020

**Câu 1:**

1. Theo **Điểm a, Khoản 1, Điều 114 LDN 2014.**

→ Nhận định Sai

2. Theo **Khoản 6, Điều 54 LDN 2014.**

→ Nhận định Sai

**Câu 2:**

1. Theo **Điều 18 và Khoản 3, Điều 183 LDN 2014.**

→ Việc thành lập là hợp pháp

2. Theo **Điều 199 LDN 2014.**

→ Trước hết phải chuyển đổi DNTN sang loại hình công ty TNHH

Theo **Điều 195 LDN 2014.**

→ Tiến hành sáp nhập

3. Theo **Điểm a, Khoản 4, Điều 60 LDN 2014**

→ Bà Sửu vẫn được coi là tham dự

Theo **Khoản 1, Điều 59 LDN 2014**

→ Cuộc họp HĐQTV đã điều kiện tiến hành.

4. Theo **Điều 307 LTM 2014 hoặc Điều 300, 301, 302, 303 LTM 2014.**

→ Yêu cầu là hợp pháp

5. Theo **Khoản 1, Điều 30; Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 36; Điểm a, Khoản 1, Điều 39**

**BLTTDS 2015.**

→ Tòa Dân sự hoặc Thẩm phán được phân công tại TAND Q. Thanh Xuân – TP. Hà Nội có thẩm quyền giải quyết

Ngoài ra Theo **Điểm g, Khoản 1, Điều 40 BLTTDS 2015.**

Tòa án Dân sự hoặc Thẩm phán được phân công tại TAND thị xã Sapa cũng có thẩm quyền giải quyết theo sự lựa chọn của nguyên đơn

6. Theo **Khoản 1, Điều 59 LPS 2014.**

→ Không hợp pháp do đây là khoản nợ thanh toán đã quá 6 tháng trước ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản

Theo Khoản 3, Điều 60 LPS 2014.

→ Công ty có thể làm đơn đề nghị Chánh án tòa án TP Hà Nội xem xét lại quyết định này

mentortee

2. Ca thi 4 – Đề thi ngày 25-10-2019

Câu 1:

Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi trực tiếp thành công ty cổ phần được không? Giải thích?

Câu 2:

An, Bình, Chính, Dung cùng góp vốn thành lập Công ty TNHH Bình An. Các thành viên thỏa thuận góp vốn như sau: An: 100.000 USD, Bình: Ngôi nhà số 7 phố Y quận Cầu Giấy – Hà Nội, Chính: 2 tỷ VND, Dung: 30 cây vàng.

1. Hãy tư vấn cho các thành viên làm thủ tục góp vốn vào công ty theo đúng quy định pháp luật?
2. Sau 1 năm hoạt động, do không đồng ý với Nghị quyết về việc sửa đổi bổ sung điều lệ công ty, Dung đã yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình theo giá thị trường. Khi thanh toán phần vốn góp cho Dung, công ty đã giữ lại 0,8 tỷ với lý do công ty hiện có một phần nợ phải thanh toán và 0,8 tỷ là trách nhiệm của Dung. *Hỏi: Việc làm trên của công ty có hợp pháp không? Giải thích?*

Câu 3:

Tháng 10/2016, Công ty cổ phần Vân Sơn thành lập Công ty TNHH 1 thành viên Vân Hải Sơn chuyên sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Ông An được bổ nhiệm làm chủ tịch HĐQTV.

1. Tháng 12/2016, ông An là đại diện hợp pháp cho Công ty Vân Hải Sơn ký hợp đồng mua 10 tấn gỗ nguyên liệu từ bà Lan – mẹ đẻ của ông Phong (Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vân Sơn). *Hỏi: Giao dịch trên muốn có hiệu lực pháp luật thì cần đáp ứng điều kiện gì? Giải thích?*
2. Tháng 3/2017, do gặp khó khăn nên Hội đồng thành viên công ty Vân Hải Sơn quyết định giám vốn điều lệ. *Hỏi: Việc giám vốn có thể thực hiện trên thực tế được không? Giải thích?*

Câu 4:

Khẳng định sau đây là Đúng hay Sai? Giải thích?

1. Bên vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa có thể được miễn trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.
2. Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại không có nghĩa vụ chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa gây ra.

**Câu 5:**

Ngày 12/7/2016, Hội đồng xét xử TAND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên giải quyết vụ tranh chấp giữa Công ty cổ phần Hải An và Công ty cổ phần Minh Hải, theo đó Tòa tuyên Công ty Hải An phải bồi thường cho Công ty Minh Hải 18 tỷ VND. Không đồng ý với bản án này, ngày 15/8/2016, đại diện Công ty Hải An đã nộp đơn kháng cáo tới tòa án có thẩm quyền yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Hỏi: Việc nộp đơn kháng cáo của Công ty Hải An yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm có hợp pháp không? Giải thích?

**Câu 6:**

Ngày 17/7/2017, Công ty cổ phần Dệt May Hải Hưng bị TAND thành phố Hải Dương – tỉnh Hải Dương ra quyết định mở thủ tục phá sản. Sau đó, doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản phụ trách vụ việc phá sản phát hiện ra Công ty Hải Hưng có thực hiện một số hoạt động sau mà không báo cáo cho doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản:

- Ngày 15/8/2017, trả nợ lương tháng 5 và tháng 6 năm 2017 cho người lao động
- Ngày 25/8/2017, thanh toán khoản nợ không có đảm bảo cho Công ty cổ phần Vải Dệt An Phú (khoản nợ đến hạn thanh toán vào ngày 15/5/2017).

1. Hãy bình luận về 2 hành vi trên của Công ty cổ phần Hải Hưng?
2. Ngày 1/9/2017, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản làm đơn đề nghị Thẩm phán phụ trách vụ việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty Hải Hưng. Hỏi: Việc làm trên của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hợp pháp không? Giải thích?

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

Theo Điều 199 LDN 2014

→ DNTN không thể chuyển đổi trực tiếp thành CTCP mà phải đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại điều 199

**Câu 2:**

1. Theo Điều 36, 37 LDN 2014

→ Các công việc phải tiến hành: chuyển quyền sử hữu tài sản sang cho công ty và định giá tài sản.

2. Theo Khoản 2 điều 52 LDN 2014

→ Việc làm của công ty là hợp pháp

**Câu 3:**

1. Theo Điểm d,đ Khoản 1 Điều 86 LDN 2014; Điểm d, Khoản 17, Khoản

18 Điều 4 LDN 2014

→ Giao dịch giữa Ông An và Bà Lan có hiệu lực pháp luật nếu được HĐTV hoặc Chủ tịch công ty, Giám Đốc hoặc Tổng GD và Kiểm soát viên xem xét quyết định

2. Theo Khoản 1, Điều 87 LDN 2014

Từ tháng 10/2016 đến 3/2017 thì công ty TNHH 1 thành viên Văn Hải Sơn hoạt động kinh doanh chưa được 2 năm

→ Công ty không thực hiện được việc giảm vốn điều lệ trên thực tế.

**Câu 4:**

1. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 294 LTM 2005

→ Nhận định Đúng

2. Theo Điều 304 LTM 2005

→ Nhận định Sai

**Câu 5:**

Theo Khoản 1, Điều 273 BLTTDS 2015

Từ ngày 12/7/2016 đến 15/8/2016 đã quá 15 kể từ ngày tuyên án

→ Việc nộp đơn kháng cáo của công ty Hải An yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm là không hợp pháp

**Câu 6:**



**1. Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 49 LPS 2014**

→ Việc công ty Hải Hưng trả nợ người lao động mà không báo cáo doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản là vi phạm nghĩa vụ báo cáo.

**Theo Khoản 1, Điều 48 LPS 2014**

→ Hành vi thanh toán khoản nợ không có bảo đảm cho công ty Vải Dệt An phú (khoản nợ phát sinh trước khi có quyết định mở thủ tục phá sản) là hành vi bị cấm.

**2. Theo Khoản 2, Điều 47 LPS 2014**

→ Việc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản làm đơn đề nghị Thẩm phán thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty Hải Hưng là hợp pháp.

mentortee

3. Ca thi 1 – Đề thi ngày 08-7-2019

**Câu 1:**

Khẳng định sau đây Đúng hay Sai? Giải thích?

1. Hội đồng thành viên công ty TNHH 1 thành viên có quyền bổ nhiệm Giám đốc công ty.
2. Công ty TNHH 1 thành viên được quyền phát hành trái phiếu.

**Câu 2:**

Công ty cổ phần dịch vụ Bầu Trời Xanh được thành lập tháng 8/2015 với 5 cổ đông sáng lập A, B, C, D, F. Trong đó, A được bầu làm Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Tháng 12/2015, A ký hợp đồng tuyển dụng H làm thư ký. Hỏi:

1. Việc ký hợp đồng của A với H có hợp pháp không? Giải thích? Biết rằng H là vợ của A.
2. Tháng 4/2016, do thiếu vốn lưu động nên Hội đồng quản trị công ty quyết định bán 2 nhà xưởng của công ty cho công ty TNHH Tân Thế Giới. Hỏi: Việc bán 2 nhà xưởng này có hợp pháp không? Giải thích? Biết rằng tại thời điểm bán 2 nhà xưởng có giá trị 50% tổng giá trị tài sản của công ty.

**Câu 3:**

Ngày 1/7/2015, công ty TNHH TECO tiến hành cuộc họp Hội đồng thành viên nhằm sáp nhập vào công ty TNHH TECA. Tại cuộc họp, D (thành viên của TECO) không nhất trí với Nghị quyết của cuộc họp về việc sáp nhập đó. Tuy nhiên Nghị quyết này vẫn được thông qua một cách hợp pháp, vì vậy, D làm đơn yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình. Hỏi:

1. Việc thành viên D yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình trong trường hợp nêu trên có hợp pháp không? Giải thích?
2. Giả sử công ty không mua lại thì D có thể làm gì để chấm dứt tư cách thành viên của mình trong công ty? Giải thích?

**Câu 4:**

A thích đồ gốm sứ nhưng không phải là chuyên gia trong lĩnh vực này. Biết được điều này, công ty B (chuyên kinh doanh buôn bán đồ gốm sứ) đã mời A mua một chiếc bình gốm có hoa văn lạ và đẹp mắt. Theo lời giới thiệu của công ty thì chiếc bình gốm đó có từ đời nhà Lý. Tin lời của B, A đã ký hợp đồng mua chiếc bình đó với giá 400 triệu VND. Một tuần sau, A phát hiện chiếc bình này chỉ là bình cổ giá với giá trị 200 nghìn VND.

Hãy bình luận về hiệu lực của hợp đồng trên?

**Câu 5:**

Công ty TNHH Ngọc Lục Bảo (trụ sở huyện Lục Yên – tỉnh Yên Bái) ký kết hợp đồng cung cấp 500 viên đá quý cho Công ty cổ phần Giá Kim (trụ sở quận Đống Đa – TP. Hà Nội). Đến hạn, Công ty Ngọc Lục Bảo đã giao hàng nhưng Công ty Giá Kim không thanh toán cho Công ty Ngọc Lục Bảo. Công ty Ngọc Lục Bảo đã nhiều lần yêu cầu công ty Giá Kim thanh toán nhưng Công ty Giá Kim cho rằng Công ty Ngọc Lục Bảo đã giao hàng kém chất lượng, có giá trị thấp hơn nên yêu cầu phải hạ giá mới thanh toán. Do đó, Công ty Ngọc Lục Bảo đã yêu cầu đưa vụ việc ra giải quyết tại Trọng tài thương mại. Hỏi:

1. Trong trường hợp nào thì vụ tranh chấp được đưa ra giải quyết tại Trọng tài Thương mại? Giải thích?
2. Nếu vụ việc được đưa ra giải quyết tại Trọng tài Thương mại, thì trong quá trình giải quyết hai bên có thể tự thỏa thuận giải quyết tranh chấp và yêu cầu chấm dứt việc giải quyết tại Trọng tài không? Giải thích?

**Câu 6:**

Ngân hàng ACB có trụ sở tại quận Ba Đình – Hà Nội cho Công ty TNHH B có trụ sở tại quận Hoàng Mai – Hà Nội vay 1,5 tỷ đồng để kinh doanh (thế chấp bằng một căn nhà tại quận Tây Hồ được xác định giá trị là 3 tỷ đồng). Do đang lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nên Công ty B không trả được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng ACB đúng kỳ hạn (đã quá 2 tháng). Hỏi:

1. Ngân hàng ACB có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty B hay không? Giải thích?
2. Giả sử Ngân hàng ACB có quyền nộp đơn thì họ có thể gửi đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Công ty B đến tòa án nào? Giải thích? Biết rằng công ty có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với trụ sở tại quận Ba Đình.

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

1. Theo Khoản 1, Điều 81 LDN 2014

→ Nhận định Đúng

2. Theo Khoản 3, Điều 73 LDN 2014

→ Nhận định Đúng

Câu 2:

1. Theo Khoản 5, Điều 152 LDN 2014

A là Chủ tịch HĐQT nên A có quyền tuyển dụng thư ký. Luật không cấm A không được tuyển dụng H- là vợ của A

→ Việc ký hợp đồng của A với H có hợp pháp

2. Theo Điểm d, Khoản 2, Điều 135 LDN 2014

Dại HDCD mới có quyền bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty

→ Việc HĐQT quyết định bán 2 nhà xưởng là không hợp pháp

Câu 3:

1. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 52 LDN 2014

D không nhất trí với Nghị quyết của cuộc họp về việc sáp nhập

→ Việc yêu cầu mua lại phần vốn là hợp pháp.

2. Theo Khoản 3, Điều 52 LDN 2014

→ Nếu công ty không mua lại thì D có quyền tự do chuyển nhượng phần góp vốn của mình cho người khác.

Câu 4:

Theo Điều 127 BLDS 2015

Công ty B cố tình lừa dối A về chiếc bình gốm khiến A ký hợp đồng mua chiếc bình gốm đó

→ Hợp đồng trên vô hiệu do bị lừa dối

Câu 5:

1. Tranh chấp được đưa ra giải quyết nếu:

PHOTO MAI ANH

Theo **Điều 2 LTTTM 2010**

→ Tranh chấp này thuộc thẩm quyền của TTTM

Theo **Điều 5, 18 LTTTM 2010**

→ Các bên có thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận trọng tài không bị vô hiệu

2. Theo **Điều 9 Luật TTTM 2010**

→ Hai bên có thể tự thỏa thuận giải quyết tranh chấp

Theo **Điều 38 Luật TTTM 2010**

→ Các bên có quyền yêu cầu chấm dứt việc giải quyết tại Trọng tài

**Câu 6:**

1. Theo **Khoản 1, Điều 5 LPS 2014**

Ngân hàng ABC là chủ nợ có bảo đảm, bên cạnh đó khoản nợ chưa đến thời hạn 3 tháng kể từ ngày đến hạn

→ ABC không có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

2. Theo **Điểm c, Khoản 1, Điều 8 LPS 2014**

Công ty B có bất động sản tại 2 quận Tây Hồ và Ba Đình

→ Có thể gửi đơn đến Tòa án TP Hà Nội yêu cầu mở thủ tục phá sản công ty B

**4. Ca thí 1 - Đề thi ngày 21-6-2019**

**Câu 1:**

Công ty TNHH Hoa Cát được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKDN ngày 01/08/2015. Theo đó tỉ lệ vốn góp cam kết của các thành viên như sau: Ngọc góp 100.000USD, Hoa góp một ngôi nhà trị giá 3 tỷ; Châu góp 2 tỷ; Cát góp 2 tỷ. Đến thời điểm ngày 30/08/2015, các thành viên đã góp đủ còn Cát chỉ góp được 1,5 tỷ, còn 500 triệu đề nghị sẽ góp vào ngày 30/09/2015. Các thành viên đều đồng ý và ghi biên bản cho Cát sẽ góp số vốn còn lại khi đến hạn.

1. Thỏa thuận trên có hợp pháp không? Thời hạn cuối cùng Cát phải thực hiện góp vốn là ngày nào? Giải thích?
2. Trong trường hợp hết thời hạn cam kết góp theo luật định, Cát vẫn không góp đủ số vốn đó, hãy tư vấn cho công ty Hoa Cát cách giải quyết trường hợp này? Quyền lợi và trách nhiệm của Cát được thực hiện như thế nào? Giải thích?

**Câu 2:**

Ông Hình là thành viên hợp danh của công ty hợp danh Bình An. Tháng 8/2017 ông Hình chết có để lại di chúc cho anh Chính (30 tuổi) thừa kế toàn bộ phần vốn của mình tại công ty Bình An. Hỏi:

1. Anh Chính có đương nhiên trở thành thành viên hợp danh của công ty Bình An không? Giải thích?
2. Công ty Bình An muốn kết nạp thêm công ty TNHH Hưng Thịnh. Công ty Hưng Thịnh có thể trở thành thành viên hợp danh được không? Giải thích?

**Câu 3:**

Khẳng định sau đúng hay sai? Tại sao?

1. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và ngược lại.
2. Trong công ty cổ phần, mỗi cổ đông phổ thông đều có một phiếu biểu quyết.

**Câu 4:**

Công ty TNHH Hoa Mai ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty cổ phần Hoa Đào ngày 01/07/2012. Theo đó, công ty Hoa Đào sẽ cung cấp trần thạch cao cho công ty Hoa Mai với giá trị hợp đồng là 3 tỷ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty Hoa Đào vi phạm nghĩa vụ thanh toán và gây thiệt hại cho công ty Hoa Mai 100 triệu đồng.

1. Công ty Hoa Mai có thể áp dụng những chế tài gì với công ty Hoa Đào? Giải thích?
2. Nếu công ty Hoa Mai yêu cầu công ty Hoa Đào nộp phạt do vi phạm hợp đồng. Hỏi: Yêu cầu của công ty Hoa Mai được coi là hợp pháp với điều kiện gì? Tại sao?

**Câu 5:**

Công ty TNHH thương mại và đầu tư Hoàng Kim có trụ sở chính tại Thanh Xuân-tp Hà Nội. Ông Nam là thành viên sáng lập sở hữu 20,5% tổng số vốn điều lệ từ tháng 2/2015. Nhận thấy công ty lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Ngày 01/03/2017, Ông Nam (với tư cách thành viên) đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với công ty Hoàng Kim.  
Hỏi:

1. Việc nộp đơn của ông Nam có hợp pháp không? Giải thích?
2. Giả sử việc nộp đơn của ông Nam là hợp pháp, tòa án nào có thẩm quyền giải quyết yêu cầu phá sản đối với công ty Hoàng Kim? Giải thích? Biết rằng công ty Hoàng Kim có một khoản nợ 2 tỷ với 1 doanh nghiệp nước ngoài chưa giải quyết.

**Câu 6:**

Ngày 10/06/2015 công ty A đã ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa với công ty B và sau đó phát sinh tranh chấp. ngày 03/07/2015 lãnh đạo 2 công ty đã tiến hành thương lượng giải quyết tranh chấp. kết quả thương lượng được lập thành văn bản, có chữ ký và đóng dấu đỏ của 2 công ty.

Hỏi kết quả thương lượng ngày 03/07/2015 giữa Công ty A và Công ty B có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý không? Giải thích?

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

1. Theo Khoản 2 Điều 48 LDN 2014

Ngày CNDKKD 1/8/15 → 30/9/15 là 61 ngày

→ Thỏa thuận trên có hợp pháp

→ Thời hạn cuối cùng Cát phải góp đủ là 29/10/2015

2. Theo Khoản 3, Điều 48 LDN 2014.

→ Cát có quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp (1,5 tỷ). Phần vốn chưa góp của Cát (500 triệu) được chào bán theo quyết định của HĐTV.

Theo Khoản 4, Điều 48 LDN 2014

→ Công ty phải đăng ký điều chỉnh, vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp

→ Cát phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.

Câu 2:

1. Theo Điểm h, Khoản 1, Điều 176 LDN 2014

→ Chính không đương nhiên trở thành thành viên hợp danh. Chính sẽ trở thành thành viên hợp danh nếu được HĐTV chấp thuận

2. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 172 LDN 2014

Thành viên hợp danh phải là cá nhân → Công ty Hưng Thịnh không thể trở thành thành viên hợp danh

Câu 3:

1. Theo Khoản 6 Điều 113 LDN 2014

Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi

→ Nhận định Sai



2. Theo **Điểm a, Khoản 1, Điều 114 LDN 2014**

Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết

→ Nhận định Sai

**Câu 4:**

1. Theo **Điều 292 LTM 2005:**

1. Buộc thực hiện đúng hợp đồng.

2. Phạt vi phạm.

3. Buộc bồi thường thiệt hại.

4. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng.

5. Đình chỉ thực hiện hợp đồng.

6. Hủy bỏ hợp đồng.

7. Các biện pháp khác do các bên thỏa thuận không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và tập quán thương mại quốc tế.

2. Theo **Điều 300 LTM 2005**

→ Yêu cầu của công ty Hoa Mai hợp pháp trong khi trông hợp đồng có thỏa thuận về phạt vi phạm

**Câu 5:**

1. Theo **Điều 5 LPS 2014**

→ Việc nộp đơn của ông Nam là không hợp pháp

2. Theo **Điểm a, Khoản 1, Điều 8 LPS 2014**

Công ty có khoản nợ 2 tỷ với DN nước ngoài

→ TAND TP Hà Nội có thẩm quyền giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản

**Câu 6:**

Kết quả thương lượng ngày 3/7/2015 giữa công ty A và công ty B là không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý do:

Đây là phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, quá trình thương lượng có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào sự hiểu biết và thái độ thiện chí, hợp tác của các bên tranh chấp.

→ Kết quả thương lượng không được đảm bảo bằng cơ chế pháp lý mang tính chất bắt buộc. Việc thực thi kết quả thương lượng hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện của mỗi bên tranh chấp mà không có bất kỳ cơ chế pháp lý nào bảo đảm việc thực thi

mentortee

5. Ca thi 1 – Đề thi ngày 10-4-2019

**Câu 1:**

*Hãy phân tích những ưu nhược điểm của doanh nghiệp tư nhân so với công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên là cá nhân?*

**Câu 2:**

Công ty TNHH X có 4 thành viên, vốn điều lệ là 10 tỷ đồng được thành lập ngày 3/8/2015. Trong đó: A góp 4 tỷ, B, C và D mỗi người góp 2 tỷ. Theo điều lệ công ty, A là Chủ tịch HĐQT, B là Giám đốc. Ngày 5/12/2016, A triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên với nội dung thông qua phương án phân chia lợi nhuận và kế hoạch kinh doanh trong năm tới. Do bất đồng với A nên B không đến dự họp, C óm nên C đã ủy quyền cho F (không phải là thành viên công ty) tham dự. Hỏi:

1. *Việc ủy quyền của C có hợp pháp không? Cuộc họp HĐQT đủ điều kiện để tiến hành không? Giải thích?*

2. *Giá sú Nghị quyết cuộc họp HĐQT về phương án phân chia lợi nhuận và kế hoạch kinh doanh năm tới đã được thông qua. Sau cuộc họp, B gửi đơn đến các thành viên phản đối phương án phân chia lợi nhuận. Do vậy A quyết định triệu tập cuộc họp HĐQT để cách chức Giám đốc của B. Tại cuộc họp A, C, D đồng ý thông qua Nghị quyết, B phản đối. Hỏi: Nghị quyết cách chức Giám đốc của B có được thông qua không? Giải thích?*

**Câu 3:**

Mình là Giám đốc công ty cổ phần xây dựng Bình Minh, có sở hữu 10.000 cổ phần của công ty (tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp). Công ty được cấp GCNDKDN vào ngày 20/8/2016. Sau 01 năm hoạt động Mình có nhu cầu muốn chuyển nhượng một nửa số cổ phần của mình cho Mạo. Hỏi:

1. *Mình có thể chuyển nhượng số cổ phần này cho Mạo hợp pháp trong trường hợp nào? Giải thích?*

2. *Vì muốn có thêm thu nhập nên Mình có tham gia góp vốn vào một công ty TNHH hai thành viên và giữ chức vụ chủ tịch HĐQT của công ty này. Hỏi: Việc Mình góp vốn vào một công ty TNHH hai thành viên và giữ chức vụ chủ tịch HĐQT của công ty này có hợp pháp không? Giải thích?*

**Câu 4:**

Khẳng định sau đây Đúng hay Sai? Giải thích?

1. Thời điểm hợp đồng bị đơn phương chấm dứt được xác định kể từ khi bên có quyền đưa ra thông báo về việc chấm dứt hợp đồng đó.
2. Các bên trong hợp đồng có quyền thỏa thuận căn cứ chấm dứt hợp đồng ngoài các căn cứ theo quy định pháp luật.

**Câu 5:**

Công ty TNHH Thành An có trụ sở chính tại quận Long Biên, Hà Nội. Do Công ty Thành An đã mất khả năng thanh toán nên ngày 10/5/2015, ông Nam – một chủ nợ của công ty đã làm đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Sau khi thụ lý, ngày 15/5/2015, Tòa án có thẩm quyền đã ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với công ty Thành An.

1. Ông Nam có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong trường hợp nào? Giải thích?
2. Ngày 20/5/2015, công ty đã quyết định thanh toán khoản nợ không có đảm bảo 1 tỷ đồng (theo hợp đồng đã ký với công ty Bình An trước khi có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản).  
Hỏi: Việc làm này của công ty có hợp pháp không? Giải thích?

**Câu 6:**

Ngày 12/7/2016, Hội đồng xét xử TAND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên giải quyết vụ tranh chấp giữa Công ty cổ phần Hải An và Công ty cổ phần Minh Hải, theo đó Tòa tuyên Công ty Hải An phải bồi thường cho Công ty Minh Hải 18 tỷ VND. Không đồng ý với bản án này, ngày 15/8/2016, đại diện Công ty CP Hải An đã nộp đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Hỏi: Việc Công ty CP Hải An nộp đơn yêu cầu như trên có hợp pháp không? Giải thích?

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

\*Ưu điểm:

- Chủ DNTN có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của DN
- Linh hoạt trong việc tăng giảm vốn đầu tư

\*Nhược điểm:

- Không hạn chế được rủi ro cho CSH
- Khả năng huy động vốn kém
- Hạn chế trong việc thành lập, góp vốn của chủ DNTN và DNTN

**Câu 2:**

**1. Theo Điểm b, Khoản 4, Điều 60 LDN 2014**

→ Việc ủy quyền của C là hợp pháp

**Theo Khoản 1, Điều 59 LDN 2014**

Có A,D tham dự cuộc họp, C ủy quyền cho F tham dự là hợp pháp. Mà A, C,D chiếm 80% vốn điều lệ

→ Cuộc họp HDTV đủ điều kiện tiến hành

**2. Theo Điểm e, Khoản 2, Điều 60 LDN 2014**

Việc cách chức Giám đốc của B được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp HDTV

**Theo Điểm a, Khoản 3, Điều 60 LDN 2014**

Tại cuộc họp HDTV có A,C,D tham gia và cùng đồng ý thông qua Nghị quyết( 100% tổng số vốn góp của các thành viên tham dự cuộc họp)

→ Nghị quyết cách chức giám đốc của B được thông qua hợp pháp

**Câu 3:**

I.Minh có thể chuyển nhượng cổ phần hợp pháp của mình cho Mạo trong một số TH sau:

**Theo Điểm d, Khoản 1, Điều 114 LDN 2014 hoặc Khoản 1, Điều 126 LDN 2014**

→ Khi Minh không phải là cổ đông sáng lập thì Minh có thể tự do chuyển nhượng cho Mạo

**Theo Khoản 3, Điều 119 LDN 2014**

→ Khi Minh là cổ đông sáng lập, cổ phần mà Minh sở hữu là cổ phần phổ thông thì Minh sẽ chuyển nhượng được cho Mạo, nếu Mạo cũng là cổ đông sáng lập

→ Khi Minh là cổ đông sáng lập, cổ phần mà Minh sở hữu là cổ phần phổ thông nhưng Mạo không phải là cổ đông sáng lập thì Minh chỉ được chuyển nhượng cho Mạo khi có sự đồng ý của Đại Hội Cổ Đông

**2. Theo Khoản 3, Điều 18 LDN 2014**

→ Việc Minh tham gia góp vốn vào công ty TNHH 2 thành viên là hợp pháp

**Theo Khoản 2, Điều 18 LDN 2014**

→ Việc Minh giữ chức vụ chủ tịch HĐQT của công ty TNHH trong khi đang là giám đốc CTCP là hợp pháp

**Câu 4:**

**1. Theo Khoản 3, Điều 428 BLDS 2015**

Khi hợp đồng bị đơn phương chấm dứt thực hiện thì hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt.

→ Nhận định Sai

**2. Theo Khoản 2, Điều 422 BLDS 2015**

Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

Theo thỏa thuận của các bên;

→ Nhận định Đúng

**Câu 5:**

**1. Theo Khoản 1, Điều 5 LPS 2014**

→ Ông Nam có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong trường hợp ông Nam là chủ nợ không có bảo đảm hoặc chủ nợ được bảo đảm 1 phần

**2. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 48 LPS 2014**

Ngày 15/5/2015 Tòa án đã quyết định mở thủ tục phá sản, ngày 20/5/2015 công ty lại thanh toán khoản nợ không có bảo đảm 1 tỷ

→Việc thanh toán khoản nợ 1 tỷ đồng của công ty là không hợp pháp

**Câu 6:**

**Theo Khoản 1, Điều 273 BLTTDS 2015**

Từ 12/7/2016 đến 15/8/2016 là đã quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

→ Việc nộp đơn của công ty Hải An là không hợp pháp

mentortee

**6. Ca thi 2 – Ngày thi 8-1-2019**

**Câu 1:**

Khẳng định sau đây Đúng hay Sai? Giải thích tại sao?

1. Công ty TNHH 1 thành viên được quyền phát hành trái phiếu.
2. Quyết định của Chủ tịch công ty TNHH 1 thành viên luôn có hiệu lực kể từ thời điểm được thông qua.

**Câu 2:**

Công ty cổ phần An Toàn có vốn điều lệ 10.000 tỷ VND được thành lập ngày 10/10/2017. Ngày 23/10/2017, Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 4 thành viên: Thương, Lê, Bình, An (đều là cổ đông sáng lập), Thương được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ngày 11/11/2017, do vụ ốm nặng cần tiền nên Thương đã bán cho Tâm (lái xe hợp đồng của công ty) 1/3 số cổ phần của mình.

1. Việc chuyển nhượng cổ phần của Thương hợp pháp trong trường hợp nào? Giải thích?
2. Vinh là cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông. Ngày 12/12/2017, Vinh đề nghị được kiểm tra các nghị quyết của HĐQT. Hỏi: Vinh có thể kiểm tra xem xét các nghị quyết của HĐQT không? Giải thích? Biết rằng điều lệ không có quy định thêm vấn đề này.

**Câu 3:**

H, T và M thành lập công ty TNHH Việt Việt chuyên kinh doanh trong lĩnh vực may mặc. Trong thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên thì H góp 500 triệu đồng, T góp 350 triệu đồng và M góp một nhà xưởng trị giá 450 triệu đồng. Nhưng đến hạn thì chỉ có H góp đủ, còn T chỉ góp được 200 triệu, M thay đổi góp nhà xưởng bằng việc góp 1 xe ô tô trị giá 450 triệu đồng. Hỏi:

1. Việc thành viên T không góp đủ vốn được giải quyết như thế nào? Giải thích?
2. Việc thành viên M thay đổi loại tài sản góp vốn hợp pháp khi nào? Giải thích?

**Câu 4:**

DNTN Đá Xanh (trụ sở tại TP. Tam Điệp – Tỉnh Ninh Bình) cùng với Công ty TNHH Tường Đài (trụ sở tại Quận Ba Đình – TP. Hà Nội) ký hợp đồng mua bán 50.000 tấn đá để xây dựng tường đài, trị giá hợp đồng là 250 tỷ đồng. Do DNTN Đá Xanh chậm thực hiện việc cung cấp đá cho Công ty Tường Đài nên Công ty Tường Đài bị chậm tiến độ thực hiện việc xây tường đài và bị phạt hợp đồng, dẫn đến thiệt hại 50 tỷ đồng. Biết rằng, trong hợp đồng giữa hai bên có thỏa thuận trong tài.

Hỏi:

1. Tường Đài có thể yêu cầu Đá Xanh bồi thường thiệt hại không nếu trong hợp đồng không có thỏa thuận bồi thường thiệt hại mà chỉ có thỏa thuận về phạt hợp đồng? Giải thích?



2. Giả sử trong hợp đồng có thỏa thuận trọng tài hợp pháp. Sau đó, trong quá trình hoạt động, DNTN Đà Xanh chấm dứt hoạt động thì thỏa thuận trọng tài giữa Đà Xanh và Tượng Đài còn hiệu lực pháp luật không? Giải thích?

3. Giả sử thỏa thuận trọng tài vô hiệu, Công ty Tượng Đài có thể kiện DNTN Đà Xanh ra Tòa án hay không? Giả sử có thể kiện ra Tòa án thì Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp này? Giải thích?

**Câu 5:**

Ngày 25/8/2015, Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản đối với Công ty cổ phần Lộc Phát. Hiện tại, Công ty cổ phần Lộc Phát còn số tài sản và số nợ cụ thể như sau:

- Tiền mặt: 6,5 tỷ;

- Nợ: Ngân hàng BIDV: 4 tỷ (được bảo đảm bằng tài sản trị giá hiện tại là 3,5 tỷ); Ngân hàng MB: 5 tỷ (được bảo đảm bằng trị giá quyền sử dụng đất trị giá hiện tại 6,5 tỷ); Chủ nợ A: 3 tỷ; Chủ nợ B: 4 tỷ; Chủ nợ C: 5 tỷ;

- Phí phá sản: 50 triệu;

- Nợ thuế: 50 triệu;

- Nợ lương người lao động: 350 triệu.

Hãy xử lý tài sản và các thanh toán nợ của Công ty Lộc Phát theo quy định? Giải thích?

**DÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

**1. Theo Khoản 3, Điều 73 LDN 2014**

Công ty TNHH MTV được phát hành các loại chứng khoán, trừ cổ phần

→ Nhận định Đúng

**2. Theo Khoản 3, Điều 80 LDN 2014**

Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

→ Nhận định Sai.

**Câu 2:**

**1. Theo Khoản 3, Điều 119 LDN 2014**

- Nếu việc chuyển nhượng trên được ĐHĐCĐ chấp thuận thì việc chuyển nhượng là hợp pháp

- Nếu việc chuyển nhượng trên không được ĐHĐCĐ chấp thuận thì việc chuyển nhượng là không hợp pháp

**2. Theo Khoản 2, Điều 114 LDN 2014**

Chỉ có đồng hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có quyền đó.  
→ Việc yêu cầu kiểm tra các nghị quyết của HĐQT là không hợp pháp.

**Câu 3:**

**1. Theo Khoản 3,4, Điều 48 LDN 2014**

Việc T không góp đủ vốn như cam kết khi hết thời hạn 90 ngày kể từ khi DN được cấp GCNĐKDN được giải quyết: “b) Thành viên chưa góp vốn đủ phần vốn góp như đã cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp; c) Phần vốn góp chưa góp của các thành viên được chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên”. Thành viên chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn đã cam kết góp đối với các nghĩa vụ phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.

Đối với công ty: Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp giữa các thành viên.

**2. Theo Khoản 2, Điều 48 LDN 2014**

→ M chỉ được thay đổi tài sản góp vốn từ nhà xưởng bằng xe ô tô nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Trường hợp này phải có sự đồng ý của T và H.

**Câu 4:**

**1. Theo Khoản 2, Điều 307 LTM 2005**

Quan hệ giữa Đá Xanh và Tượng Đài là quan hệ thương mại do Luật Thương mại 2005 điều chỉnh.

→ Tượng Đài có quyền yêu cầu Đá Xanh bồi thường thiệt hại cho mình ngay cả trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về bồi thường thiệt hại.

**2. Theo Khoản 3, Điều 5, LTTTM 2010.**

→ Thỏa thuận trong tài có hiệu lực

**3. Theo Điều 30, 35, 36, 39 BLTTDS 2015**

→ Có, Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa Dân sự thuộc TAND TP Tam Điệp – Ninh Bình.

**Câu 5:**

**- Theo Khoản 3, Điều 53 LPS 2014**

Số nợ của 2 ngân hàng được xử lý trước khi ra quyết định tuyên bố phá sản. Cụ thể NH BIDV sẽ được thanh toán 3,5 tỷ. 500 triệu còn lại sẽ được thanh toán như các khoản nợ không bảo đảm. NH MB được thanh toán đủ 5 tỷ. 1,5 tỷ còn lại được sáp nhập vào số tài sản còn lại của DN.

Tổng tài sản còn lại của DN là: 6,5 tỷ + 1,5 tỷ = 8 tỷ.

**- Theo Điều 54 LPS 2014**

Tài sản được phân chia theo thứ tự như sau:

1. Phí phát sản: 50 triệu
2. Nợ lương: 350 triệu
3. Còn lại 7,6 tỷ được chia đều cho các chủ nợ: NH BIDV, A, B, C Thuế theo công thức 7,6 tỷ/13 tỷ x số nợ từng người.

mentortec

7. Ca thi 4 – Đề thi ngày 23-10-2018

Câu 1:

*Tư cách cổ đông công ty cổ phần của một cá nhân chấm dứt khi nào?*

Câu 2:

An, Bình, Chính, Dung cùng góp vốn thành lập Công ty TNHH Bình An. Các thành viên thỏa thuận góp vốn như sau: An: 100.000 USD, Bình: Ngôi nhà số 7 phố Y quận Cầu Giấy – Hà Nội, Chính: 2 tỷ VND, Dung: 30 cây vàng.

1. *Hãy tư vấn cho các thành viên làm thủ tục góp vốn vào công ty theo đúng quy định pháp luật?*

2. Sau 1 năm hoạt động, do không đồng ý với Nghị quyết về việc sửa đổi bổ sung điều lệ công ty, Dung đã yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình theo giá thị trường. Khi thanh toán phần vốn góp cho Dung, công ty đã giữ lại 0,8 tỷ với lý do công ty hiện có một phần nợ phải thanh toán và 0,8 tỷ là trách nhiệm của Dung. *Hỏi: Việc làm trên của công ty có hợp pháp không? Giải thích?*

Câu 3:

Công ty ABC là doanh nghiệp nhà nước. Hội đồng thành viên công ty đã được bổ nhiệm với 7 thành viên là A, B, C, D, E, F, G. Trong đó, A là Chủ tịch HĐQT và B là Giám đốc. Nhận thấy có nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh, B đã yêu cầu cuộc họp HĐQT.

Hỏi:

1. *B có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp HĐQT hay không? Cuộc họp HĐQT được diễn ra hợp lệ hay không khi chỉ có A, B, C, D, E, F tham gia, G vắng mặt.*

2. *Nghị quyết của HĐQT có được thông qua hay không khi A, B, E bỏ phiếu tán thành C, D, F bỏ phiếu không tán thành?*

Câu 4:

Khẳng định sau đây là Đúng hay Sai? Giải thích?

1. Trong mọi trường hợp thì người đại diện theo ủy quyền luôn luôn phải chịu trách nhiệm thực hiện phần hợp đồng vượt quá phạm vi ủy quyền.

2. Quyền đòi nợ có thể được sử dụng là tài sản thế chấp.

Câu 5:

Công ty TNHH Ngọc Lục Bảo (trụ sở huyện Lục Yên- tỉnh Yên Bái) ký hợp đồng cung cấp 500 viên đá quý cho CTCP Giá Kim( trụ sở quận Đống Đa-TP Hà Nội). Đến hạn, Công ty Ngọc Lục Bảo đã giao hàng nhưng công ty Giá Kim không thanh toán cho công ty Ngọc Lục Bảo. Công ty Ngọc Lục Bảo đã nhiều lần yêu cầu công ty Giá Kim thanh toán nhưng công ty Giá Kim cho rằng công ty Ngọc Lục Bảo đã giao hàng kém chất lượng, có giá trị thấp hơn nên yêu cầu phải hạ giá mới thanh toán. Do đó, Công ty Ngọc Lục Bảo đã yêu cầu đưa vụ việc ra giải quyết tại Trọng tài thương mại. Hỏi:

1. Trong trường hợp nào thì vụ tranh chấp được đưa ra giải quyết tại TTTM? Giải thích?
2. Nếu vụ việc đưa ra giải quyết tại TTTM, thì trong quá trình giải quyết hai bên có thể tự thỏa thuận giải quyết tranh chấp và yêu cầu chấm dứt việc giải quyết tại TTTM không? Giải thích?

**Câu 6:**

Ngày 12/6/2017, TAND thành phố Đồng Triều – tỉnh Quảng Ninh ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với CTCP Tham Khoáng Sản Bắc Sơn. Ngày 20/7/2017, Công ty TNHH Sơn Dương gửi giấy đòi nợ đến cơ quan tài viên phụ trách vụ việc phá sản. Hỏi:

1. Việc gửi giấy đòi nợ của công ty Sơn Dương có được chấp nhận không? Giải thích?
2. Ngày 25/7/2017, quản tài viên phụ trách vụ phá sản tiến hành lập danh sách chủ nợ và niêm yết công khai danh sách chủ nợ theo quy định của pháp luật. Sau khi xem danh sách chủ nợ, ông Hồng – một chủ nợ không có đảm bảo của công ty Bắc Sơn (đã gửi giấy đòi nợ theo quy định) phát hiện ra không có tên mình trong danh sách chủ nợ được niêm yết.

Hỏi: Ông Hồng có thể làm gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình? Giải thích?

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

Tư cách cổ đông CTCP chấm dứt khi:

- Không thực hiện việc thanh toán số CP đã đăng ký mua ( **Điểm a, Khoản 3, Điều 112 LDN 2014**)
- Chuyển nhượng toàn bộ số CP trong CT cho người khác (**Điều 126 LDN 2014**)
- Cổ đông là cá nhân chết, công ty giải thể hoặc phá sản (**Khoản 3, Điều 126 LDN 2014**)
- Khi tặng cho toàn bộ CP, sử dụng toàn bộ CP để trả nợ (**Khoản 5, Điều 126 LDN 2014**)

- Khi được công ty mua lại CP theo yêu cầu của chính mình (**Khoản 2, Điều 129 LDN 2014**)

**Câu 2:**

1. Theo **Điều 36, 37 LDN 2014**

→ Các công việc phải tiến hành: chuyển quyền sử hữu tài sản sang cho công ty và định giá tài sản.

2. Theo **Khoản 2 điều 52 LDN 2014**

→ Việc làm của công ty là hợp pháp

**Câu 3:**

1. Theo **Khoản 1 Điều 97 LDN 2014**

→ B là giám đốc nên B có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp HĐQT

Theo **Khoản 4 Điều 97 LDN 2014**

A, B, C, D, E, F tham gia, G vắng mặt → 6/7 tổng số thành viên HĐQT tham dự

→ Cuộc họp HĐQT được diễn ra hợp lệ

2. Theo **Khoản 4 Điều 97 LDN 2014**

A, B, E bỏ phiếu không tán thành C, D, F, G bỏ phiếu tán thành → 4/6 thành viên tham dự bỏ phiếu tán thành

→ Nghị quyết của HĐQT được thông qua.

**Câu 4:**

1. Theo **Khoản 2 Điều 142 BLDS 2015**

→ Nhận định Sai.

2. Theo **Điều 105, 295 BLDS 2015**

→ Nhận định Đúng.

**Câu 5:**

PHOTO MAI ANH

1. Theo Điều 2 Luật TTTM 2010

→ Đây là tranh chấp thương mại nên TTTM có thẩm quyền giải quyết.

Theo Điều 16 Luật TTTM 2010

→ Các bên cần phải có thỏa thuận trọng tài hợp pháp để vụ việc tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài thương mại.

2. Theo Điều 9 Luật TTTM 2010

→ Hai bên có thể tự thỏa thuận giải quyết tranh chấp

Theo Điều 38 Luật TTTM 2010

→ Các bên có quyền yêu cầu chấm dứt việc giải quyết tại Trọng tài

Câu 6:

1. Theo Khoản 1 Điều 66 LPS 2014

Từ ngày 12/6/2017 đến 20/7/2017 là quá thời hạn 30 ngày để gửi giấy đòi nợ

→ Việc gửi giấy đòi nợ không được chấp thuận.

2. Theo Khoản 3 Điều 67 LPS 2014

→ Ông Hồng có thể đề nghị Thẩm phán xem xét lại danh sách chủ nợ, thời hạn đề nghị là 05 ngày làm việc từ ngày kết thúc thời hạn niêm yết

**8. Ca thi 2 – Đề thi ngày 12-10-2017**

**Câu 1:** Tư cách cổ đông công ty cổ phần của một cá nhân chấm dứt khi nào?

**Câu 2:** Công ty TNHH Hoa Cát được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKDN ngày 1/8/2015. Theo đó, tỷ lệ vốn góp cam kết của các thành viên như sau: Ngọc góp 100.000 USD; Hoa góp ngôi nhà giá trị 3 tỷ; Châu góp 2 tỷ; Cát góp 2 tỷ. Đến thời điểm ngày 30/8/2015, các thành viên đã góp đủ, Cát chỉ góp được 1,5 tỷ còn 500 triệu đề nghị sẽ góp vào ngày 30/9/2015. Các thành viên đều đồng ý và ghi biên bản cho Cát sẽ góp số vốn còn lại khi đến hạn.

1. *Thỏa thuận trên có hợp pháp không? Vì sao? Thời hạn cuối cùng Cát phải thực hiện góp vốn là ngày nào?*
2. *Trong trường hợp hết thời hạn cam kết góp theo luật định, Cát vẫn không góp đủ phần vốn đó, hãy tư vấn cho Công ty Hoa Cát cách giải quyết sự việc này? Quyền lợi và trách nhiệm của Cát được thực hiện như thế nào?*

**Câu 3:** Tháng 10/2016, Công ty cổ phần Vân Sơn thành lập Công ty TNHH 1 thành viên Vân Hải Sơn chuyên sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Ông An được bổ nhiệm làm chủ tịch HĐQT.

1. *Tháng 12/2016, ông An là đại diện hợp pháp cho Công ty Vân Hải Sơn ký hợp đồng mua 10 tấn gỗ nguyên liệu từ bà Lan – mẹ đẻ của ông Phong – Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vân Sơn. Hỏi: Giao dịch trên muốn có hiệu lực pháp luật thì cần đáp ứng điều kiện gì?*
2. *Tháng 3/2017, do gặp khó khăn nên Hội đồng thành viên công ty Vân Hải Sơn quyết định giám sát điều lệ. Hỏi: Việc giám sát có thể thực hiện trên thực tế được không?*

**Câu 4:** Khẳng định sau đây là Đúng hay Sai? Giải thích?

1. *Trong mọi trường hợp, người đại diện theo ủy quyền phải chịu trách nhiệm thực hiện phần hợp đồng vượt quá phạm vi ủy quyền.*
2. *Bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị vẫn có thể được thi hành ngay.*

**Câu 5:** Ngày 20/2/2017, Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (trụ sở tại quận Đống Đa, Hà Nội) đã ra phán quyết giải quyết tranh chấp giữa Công ty A và



Công ty B. Không đồng ý với phán quyết trọng tài, Công ty A đã gửi đơn yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài.

1. Xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của A?
2. Giả sử Tòa án ra quyết định không phán quyết trọng tài, Công ty A phải thực hiện theo đúng phán quyết. Tuy nhiên, hết thời hạn thi hành, Công ty A vẫn không thi hành phán quyết. Theo quy định pháp luật Công ty B có thể làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

**Câu 6:** Ngày 15/6/2016, Tòa án nhân dân Tỉnh Hải Dương đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục giải quyết phá sản đối với Công ty cổ phần Hương Sen. Ngày 10/7/2016, Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với công ty này.

Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán đã phát hiện ngày 3/1/2016, công ty Hương Sen đã thanh toán số tiền 2 tỷ đồng cho khoản nợ chưa đến hạn cho công ty An Định theo hợp đồng đã ký. Vì vậy, ngày 20/7/2017, Tòa án đã ra quyết định tuyên bố giao dịch này vô hiệu.

1. Quyết định của Tòa án có căn cứ pháp lý không?
2. Giả sử không đồng ý với quyết định trên của Tòa án Tỉnh Hải Dương, công ty Hương Sen có thể làm đơn đến cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết?

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

Tư cách cổ đông CTCP chấm dứt khi:

- Không thực hiện việc thanh toán số CP đã đăng ký mua (**Điểm a, Khoản 3, Điều 112 LDN 2014**)
- Chuyển nhượng toàn bộ CP trong CT cho người khác (**Điều 126 LDN 2014**)
- Cổ đông là cá nhân chết, công ty giải thể hoặc phá sản (**Khoản 3, Điều 126 LDN 2014**)
- Khi tặng cho toàn bộ CP, sử dụng toàn bộ CP để trả nợ (**Khoản 5, Điều 126 LDN 2014**)
- Khi được công ty mua lại CP theo yêu cầu của chính mình (**Khoản 2, Điều 129 LDN 2014**)

**Câu 2:**

1. Theo **Khoản 2 Điều 48 LDN 2014**

Ngày CNĐKKD 1/8/15 → 30/9/15 là 61 ngày

→ Thỏa thuận trên có hợp pháp

→ Thời hạn cuối cùng Cát phải góp đủ là 29/10/2015

2. Theo Khoản 3, Điều 48 LDN 2014.

→ Cát có quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp (1,5 tỷ). Phần vốn chưa góp của Cát (500 triệu) được chào bán theo quyết định của HĐQT.

Theo Khoản 4, Điều 48 LDN 2014

→ Công ty phải đăng ký điều chỉnh, vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng sổ vốn đã góp

→ Cát phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.

Câu 3:

1. Theo Điểm d, Khoản 1 Điều 86 LDN 2014; Điểm d, Khoản 17, Khoản 18 Điều 4 LDN 2014

→ Giao dịch giữa Ông An và Bà Lan có hiệu lực pháp luật nếu được HĐQT hoặc Chủ tịch công ty, Giám Đốc hoặc Tổng GD và Kiểm soát viên xem xét quyết định

2. Theo Khoản 1, Điều 87 LDN 2014

Từ tháng 10/2016 đến 3/2017 thì công ty TNHH 1 thành viên Văn Hải Sơn hoạt động kinh doanh chưa được 2 năm

→ Công ty không thực hiện được việc giảm vốn điều lệ trên thực tế.

Câu 4:

1. Theo Khoản 2, Điều 143 BLDS 2015

Trường hợp giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch được xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện thì người đại diện phải thực hiện nghĩa vụ đối

với người đã giao dịch với mình về phần giao dịch vượt quá phạm vi đại diện, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết về việc vượt quá phạm vi đại diện mà vẫn giao dịch.

→ Nhận định Sai

2. Theo Khoản 1, Điều 282 BLTTDS 2015

Bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm hoặc những phần bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp pháp luật quy định cho thi hành ngay.

→ Nhận định Đúng

**Câu 5**

1. Theo Điểm g Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật TTTM 2010

→ Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là TAND TP Hà Nội.

2. Theo Điều 66 LTTM 2010, Khoản 1 Điều 8 LTTM 2010

→ Công ty B có thể yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự TP Hà Nội thi hành phán quyết Trọng tài.

**Câu 6:**

1. Theo Khoản 1 Điều 59 LPS 2014

Từ 3/1/2016 đến 10/7/2016 là hơn 6 tháng nên khoản nợ thanh toán đã quá 6 tháng trước ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản.

→ Quyết định của Tòa án là không có căn cứ pháp lý

2. Theo Khoản 3 Điều 60 LPS 2014

→ Công ty Hương Sen có thể làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án tỉnh Hải Dương xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu này

**9. Ca thi 1 – Đề thi ngày 27-6-2017**

**Câu 1:** Công ty ABC là doanh nghiệp nhà nước. Hội đồng thành viên công ty đã được bổ nhiệm với 7 thành viên là A, B, C, D, E, F, G. Trong đó, A là Chủ tịch HĐQT và B là Giám đốc. Nhận thấy có nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh, B đã yêu cầu cuộc họp HĐQT. Hỏi:

- 1. B có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp HĐQT hay không? Cuộc họp HĐQT được diễn ra hợp lệ hay không khi chỉ có A, B, C, D, E, F tham gia. G vắng mặt.*
- 2. Nghị quyết của HĐQT có được thông qua hay không khi A, B, E bỏ phiếu không tán thành C, D, F, G bỏ phiếu tán thành?*

**Câu 2:** Nêu hệ quả pháp lý của các biện pháp tổ chức lại doanh nghiệp?

**Câu 3:** Công ty TNHH Thịnh Vượng được thành lập bởi các thành viên là An, Phát, Tài và Lộc. Ngày 19/10/2015, Phát quyết định thành lập DNTN thương mại Phát Thịnh do chính Phát làm Giám đốc. Trụ sở chính của DNTN dự định đặt tại quận Hà Đông – Hà Nội. Hỏi:

- 1. Việc thành lập DNTN Phát Thịnh của Phát hợp pháp không? Việc thành lập đó có cần phải đồng ý của các thành viên An, Tài, Lộc đồng ý không? Giải thích?*
- 2. Giả sử việc thành lập DNTN là hợp pháp, cơ quan nào có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận DNTN cho doanh nghiệp Phát Thịnh? Giải thích?*

**Câu 4:** B (giám đốc) của Công ty TNHH A đã bán ngôi nhà (thuộc quyền sở hữu hợp pháp của A) cho công ty C làm trụ sở công ty. Để không phải nộp thuế cho việc bán ngôi nhà trên, A đã ký hợp đồng tặng C ngôi nhà đó. Hỏi:

- 1. B có thẩm quyền ký kết hợp đồng trên không? Tại sao?*
- 2. Hợp đồng tặng cho C ngôi nhà trên có hiệu lực pháp luật không? Tại sao?*

**Câu 5:** Trình bày ưu và nhược điểm của phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại.

**Câu 6:** Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Hoàng Long có trụ sở chính tại Cầu Giấy – Thành phố Hà Nội. Ông Hùng là Giám đốc và là đại diện theo pháp luật của công ty. Nhận thấy công ty lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, ông Hùng đã nộp đơn yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản đối với công ty. Hỏi:

1. Ông Hùng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Hoàng Long hay không?
2. Hãy phân chia số tài sản phá sản của doanh nghiệp. Được biết tổng tài sản của công ty Hoàng Long là 2,35 tỷ. Công ty có các chủ nợ gồm: A: 1 tỷ; B: 2 tỷ; C: 0,5 tỷ; D: 3 tỷ; E: 3 tỷ; Nợ thuế: 100 triệu; Nợ lương công nhân: 200 triệu; phí phá sản là 50 triệu.

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

1. Theo Khoản 1 Điều 97 LDN 2014

→ B là giám đốc nên B có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp HDTV

Theo Khoản 4 Điều 97 LDN 2014

A,B,C,D,E,F tham gia, G vắng mặt → 6/7 tổng số thành viên HDTV tham dự

→ Cuộc họp HDTV được diễn ra hợp lệ

2. Theo Khoản 4 Điều 97 LDN 2014

A, B, E bỏ phiếu không tán thành C, D, F, G bỏ phiếu tán thành → 4/6 thành viên tham dự bỏ phiếu tán thành

→ Nghị quyết của HDTV được thông qua.

**Câu 2:**

Nêu hậu quả pháp lý của từng hình thức tổ chức lại theo các nội dung:

Theo Khoản 4, Điều 192 LDN 2014

Theo Khoản 3, Điều 193 LDN 2014

Theo Khoản 5, Điều 194 LDN 2014

Theo Điểm c Khoản 2, Điều 195 LDN 2014

Theo Khoản 4, Điều 196 LDN 2014

Theo Khoản 4, Điều 197 LDN 2014

**Theo Khoản 3, Điều 198 LDN 2014**

**Theo Điểm c Khoản 1, Điều 199 LDN 2014**

**Câu 3:**

**1. Theo Khoản 3 điều 183 LDN 2014**

Phát chưa từng thành lập DNTN và là thành viên của công ty TNHH (chứ không phải công ty HD)

→ Việc thành lập DNTN Phát Tinh của Phát hợp pháp

→ Việc Phát thành lập DNTN không cần sự đồng ý của các thành viên vì LDN 2014 không có quy định cấm

**2. Theo Khoản 1, Điều 14 Nghị định 78/2015/NĐ-CP**

→ Cơ quan có thẩm quyền là Cơ quan đăng ký kinh doanh tại TP.Hà Nội (Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội).

**Câu 4:**

1. B sẽ có thẩm quyền ký hợp đồng trên nếu B là người đại diện hợp pháp (theo PL hoặc theo ủy quyền)

**2. Theo Điều 124 BLDS 2015**

Hợp đồng giả tạo trong tình huống trên là hợp đồng tặng cho nhằm che dấu hợp đồng bán tài sản. Nên khi A và C xác lập hợp đồng một cách giả tạo nhằm che dấu một hợp đồng khác thì hợp đồng giả tạo vô hiệu còn hợp đồng bị che dấu vẫn có hiệu lực

→ Hợp đồng tặng cho C vô hiệu do giả tạo.

**Câu 5:**

**\* Ưu điểm:**

Thời gian được tiết kiệm hơn TTTA nên hoạt động kinh doanh khác của DN ít bị ảnh hưởng

Cơ chế giải quyết là sự kết hợp giữa yếu tố thỏa thuận và tài phán

Quy tắc, địa điểm, trọng tài viên thì các bên có thể thỏa thuận lựa chọn

Phán quyết của TTIM có giá trị chung thẩm, Tòa án đảm bảo việc thực thi các quyết định của TTIM thông qua trình tự công nhận và cho thi hành

Việc xét xử bằng trọng tài đảm bảo được bí mật cao; tránh cho các bên nguy cơ làm tổn thương các mối quan hệ hợp tác làm ăn vốn có.

\* Nhược điểm:

Về chi phí thường cao do TTIM là tổ chức phi chính phủ hoạt động không phải nguồn vốn được cấp từ NSNN

Trọng tài có thể gặp khó khăn trong quá trình giải quyết tranh chấp do trọng tài không có bộ máy giúp việc và có cơ quan thi hành; cưỡng chế như Tòa án nên có rất nhiều trường hợp trọng tài khó lấy được thông tin cá nhân nếu như bên đó không hợp tác.

**Câu 6:**

1. Theo Khoản 3 Điều 5 LPS 2014:

Ông Hùng có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Hoàng Long

→ Ông Hùng không có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Hoàng Long mà có nghĩa vụ nộp đơn.

2. Theo Khoản 1, Điều 54 LPS 2014

Thứ tự phân chia tài sản:

1. Trừ phí phá sản:  $2,35 - 0,05 = 2,3$  tỷ

2. Trả nợ lương công nhân:  $2,3 - 0,2 = 2,1$  tỷ

3. Nghĩa vụ tài chính với NN và khoản nợ chưa có bảo đảm

Tổng số nợ:  $1 + 2 + 0,5 + 3 + 3 + 0,5 = 10$  tỷ

Theo Khoản 3, Điều 54 LPS 2014

Chia theo tỉ lệ:

$$A = 2,1/10 \times 1 = 0,21 \text{ tỷ}$$

$$\text{Thuế} = C = 2,1/10 \times 0,5 = 0,105 \text{ tỷ}$$

$$B = 2,1/10 \times 2 = 0,42 \text{ tỷ}$$

$$D = E = 2,1/10 \times 3 = 0,63 \text{ tỷ}$$

mentortee



**10. Ca thi 2 – Đề thi ngày 27-3-2017****Câu 1:**

Khẳng định sau đây Đúng hay Sai? Giải thích?

*Doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn.*

**Câu 2:**

A, B, C, D, E cùng nhau góp vốn thành lập công ty TNHH X. Trong đó, A góp 20%, B góp 25%, C góp 45%, D góp 5% và E góp 5% tổng số vốn góp. Theo thỏa thuận, A là chủ tịch hội đồng thành viên, B là tổng giám đốc.

1. Nhận thấy trong quá trình kinh doanh, công ty X không rõ ràng, minh bạch trong lĩnh vực tài chính nên D muốn kiểm tra, xem xét các sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm. Hỏi: D có quyền kiểm tra không? Giải thích?

2. Để tiến hành sửa đổi Điều lệ công ty, A đã triệu tập cuộc họp theo đúng trình tự thủ tục. Cuộc họp diễn ra có sự tham gia của A, B, C, D, E. Nghị quyết sửa đổi theo điều lệ được C, D, E đồng ý. Hỏi: Nghị quyết của cuộc họp HĐQT có được thông qua hay không?

**Câu 3:**

Công ty cổ phần xây dựng Trung Việt có vốn điều lệ 50 tỷ. Công ty này có 56% tổng số cổ phần phổ thông thuộc sở hữu Nhà nước.

1. Công ty này có phải là một doanh nghiệp nhà nước không? Giải thích?

2. Để thông qua báo cáo tài chính năm 2015 của công ty, ngày 25/4/2016, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty đã triệu tập Đại hội đồng cổ đông và dự định tiến hành họp vào ngày 10/05/2016. Hãy bình luận về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông?

**Câu 4:**

Ngày 17/5/2015, Công ty A ký kết hợp đồng bán cho Công ty B 1000 tấn gạo bậc hương loại 1. Hợp đồng trên được ký kết giữa Bình (Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT của công ty A) và B (Giám đốc của công ty B).

1. Giả sử B không có thẩm quyền ký kết hợp đồng trên, do vậy A đã tuyên bố hợp đồng trên vô hiệu. Hỏi: A có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu hay không?

2. *Giá sử hợp đồng trên vô hiệu. Hãy nêu hậu quả pháp lý của hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu.*

**Câu 5:**

Ngày 3/9/2016, hai công ty CP ABB và XYZ tiến hành thương lượng để giải quyết mâu thuẫn phát sinh từ hợp đồng số 121/2014/HDMB nhưng không thành công. Ngày 5/9/2016, Công ty CP ABB khởi kiện XYZ ra Trung tâm trọng tài thương mại Hà Nội. Biết được thông tin này, ngày 6/9/2016, Công ty XYZ cũng viết đơn kiện gửi tới Trung tâm trọng tài thương mại Hà Nội.

1. *Trung tâm trọng tài thương mại Hà Nội có thẩm quyền giải quyết tranh chấp này không? Giải thích? Biết rằng các bên không có thỏa thuận trọng tài trước đó.*

2. *Giá sử Trung tâm trọng tài thương mại Hà Nội có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên tại phiên họp, cả hai công ty ABB và công ty XYZ đều không có mặt mà chỉ gửi văn bản đề nghị hội đồng trọng tài giải quyết bình thường. Cho rằng, hai công ty không có thiện chí giải quyết tranh chấp, hội đồng trọng tài đã ra quyết định đình chỉ vụ việc và trả lại đơn của hai công ty. Hỏi: quyết định đình chỉ vụ việc và trả lại đơn của hội đồng trọng tài có căn cứ pháp lý hay không? Giải thích?*

**Câu 6:**

Ông Đỗ Minh là nhân viên kế toán trong công ty TNHH Tiến Lợi, đã quá 4 tháng không nhận được lương và nhận thấy công ty đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nên ông đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Tiến Lợi.

1. *Ông Đỗ Minh có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không? Giải thích?*

2. *Giá sử yêu cầu mở thủ tục phá sản là hợp pháp thì tòa án nhân dân nào có thẩm quyền giải quyết? Biết rằng công ty có trụ sở chính tại quận Cầu Giấy và có hai chi nhánh tại thành phố Hà Nội, một chi nhánh đặt tại quận Đống Đa, một chi nhánh đặt tại quận Thanh Xuân.*

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

Theo Khoản 4, Điều 183 LDN 2014 và Điểm đ, Khoản 2, Điều 18 LDN 2014

→ Kháng định Dúng

**Câu 2:**

1. Theo **Điểm b, Khoản 8, Điều 50 LDN 2014**

→ D không có quyền kiểm tra. Trừ trường hợp điều lệ công ty quy định tỷ lệ khác ít nhất là 5% thì D được quyền kiểm tra.

2. Theo **Điểm b, Khoản 3, Điều 60 LDN 2014**

A, B, C, D, E tham gia trong đó C, D, E đồng ý → C, D, E chiếm 55% tổng số vốn góp của các thành viên tham dự

→ Nghị quyết của cuộc họp HĐQT về việc sửa đổi điều lệ công ty không được thông qua

**Câu 3:**

1. Theo **Khoản 8, Điều 4 LDN 2014**

→ Công ty Trung Việt không phải là DNNN vì DNNN là DN có 100% vốn của nhà nước.

2. Bình luận về việc tổ chức cuộc họp.

Theo **Khoản 4, Điều 136 LDN 2014**

→ HĐQT mới có quyền triệu tập họp. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp là không đúng thẩm quyền.

Theo **Khoản 2, Điều 136 LDN 2014**

Hợp đề thông qua báo cáo tài chính năm 2015 do đó phải là hợp thường niên (không phải hợp bất thường)

→ Việc họp vào 10/5/2016 là không hợp pháp trừ trường hợp HĐQT đã đề nghị và được cơ quan ĐKDN gia hạn.

**Câu 4:**

1. Theo quy định pháp luật của các bên trong hợp đồng không có quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu, các bên trong hợp đồng chỉ có quyền yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

→ Việc A tuyên bố hợp đồng vô hiệu là không hợp pháp

2. Theo **Điều 131 LDS 2015** cụ thể là:

“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả.

3. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó.

4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.

5. Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân do Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định.”

**Câu 5:**

1. Theo **Điều 2 LTTM 2010**, **Khoản 1, Điều 5 LTTM 2010** và **Điều 16 LTTM 2010**

Việc các bên cùng gửi đơn kiện đến trung tâm trọng tài thương mại Hà Nội không được coi là thỏa thuận trọng tài.

→ Trung tâm trọng tài thương mại Hà Nội không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp này

2. Theo **Khoản 1 Điều 59 LTTM 2010**

→ Không có căn cứ để HĐTT đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp

Theo **Khoản 3, Điều 56 LTTM 2010:**

Theo yêu cầu của các bên, HĐTT có thể căn cứ vào hồ sơ để tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp mà không cần đến sự có mặt của các bên.

→ Quyết định đình chỉ vụ việc và trả lại đơn của HĐTT không có căn cứ pháp lý

**Câu 6:**

1. Theo **Khoản 2, Điều 5 LPS 2014**

Ông Minh là nhân viên kế toán trong công ty

→ Ông có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

2. Theo **Điểm b, Khoản 1, Điều 8 LPS 2014**

Công ty có trụ sở chính ở Hà Nội, có 2 chi nhánh ở 2 quận khác nhau ở Hà Nội

→ Tòa án có thẩm quyền là TAND thành phố Hà Nội

mentortee

11. Ca thi 2 – Đề thi ngày 31-12-2015

Câu 1:

Khẳng định sau đây Đúng hay Sai? Giải thích?

1. Chủ doanh nghiệp tư nhân có thể tự do tăng và giảm vốn đầu tư của doanh nghiệp.
2. Doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn.

Câu 2:

Ngày 6/8/2015, do tình hình hoạt động kinh doanh không hiệu quả, HĐTV Công ty TNHH Sao Xanh tiến hành cuộc họp quyết định việc sáp nhập vào Công ty TNHH Cuộc Sống Mới. Tại cuộc họp, ông Tuấn (thành viên chiếm 5% tổng số vốn của công ty) đã bỏ phiếu không tán thành. Tuy nhiên Nghị quyết vẫn được thông qua một cách hợp pháp vì vậy đến ngày 27/8/2015, ông Tuấn có văn bản yêu cầu công ty mua lại phần góp vốn của mình. Hỏi:

1. Việc ông Tuấn yêu cầu Công ty mua lại phần góp vốn của mình trong công ty có hợp pháp không? Giải thích?
2. Giả sử việc yêu cầu mua lại vốn góp của ông Tuấn là hợp pháp nhưng công ty không mua, ông Tuấn đã tặng toàn bộ phần vốn góp của mình cho con rể ông là Nam. Hỏi: Nam có đương nhiên trở thành thành viên của công ty hay không?

Câu 3:

Ngày 15/8/2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X đã họp bất thường và quyết định chuyển 10% số cổ phần phổ thông hiện có thành cổ phần ưu đãi biểu quyết (các cổ đông đại diện cho 100% cổ phần có quyền biểu quyết đã nhất trí). Toàn bộ số cổ phần ưu đãi biểu quyết đều được nắm giữ bởi các cổ đông sáng lập.

1. Hãy bình luận về Nghị quyết này của Đại hội đồng cổ đông công ty?
2. Ngày 30/9/2015, cuộc họp Hội đồng quản trị diễn ra, HĐQT đã quyết định chia công ty CP X thành 2 công ty là Y và Z.

Hỏi: quyết định này của HĐQT có cần có pháp lý không?

Câu 4:

B (giám đốc) của Công ty TNHH A đã bán ngôi nhà (thuộc quyền sở hữu hợp pháp của A) cho công ty C làm trụ sở công ty. Để không phải nộp thuế cho việc bán ngôi nhà trên, A đã ký hợp đồng tặng C ngôi nhà đó. Hỏi:

1. B có thẩm quyền ký kết hợp đồng trên không? Tại sao?
2. Hợp đồng tặng cho C ngôi nhà trên có hiệu lực pháp luật không? Tại sao?

**Câu 5:**

Trình bày ưu điểm của việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại so với giải quyết tranh chấp bằng tòa án?

**Câu 6:**

Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Hoàng Long nhà nước sở hữu 65% vốn điều lệ, công ty có trụ sở chính tại quận Cầu Giấy – Hà Nội. Ông Nam là Chủ tịch HĐQT; ông Hùng là Giám đốc và là đại diện theo pháp luật của công ty; ông Dũng là đại diện cho số cổ phần nhà nước sở hữu. Nhận thấy công ty lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, ông Dũng đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Hoàng Long. Hỏi:

1. Việc nộp đơn của ông Dũng có hợp pháp không? Giải thích?
2. Giả sử việc nộp đơn như trên là hợp pháp. Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết yêu cầu phá sản đối với Công ty Hoàng Long? Biết rằng công ty có hai chi nhánh đặt tại quận Lê Chân - TP. Hải Phòng và tại quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

**Câu 1:**

1. Theo Khoản 3, Điều 184 LDN 2014

→ Nhận định Sai

2. Theo Khoản 4, Điều 183 LDN 2014

→ Nhận định Đúng

**Câu 2:**

1. Theo Khoản 1, Điều 52 LDN 2014

Ông Tuấn có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp

Từ ngày 6/8/2015 đến ngày 27/8/2015 là 22 ngày, quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết

→ Việc ông Tuấn yêu cầu Công ty mua lại phần góp vốn của mình trong công ty là không hợp pháp

2. Theo Khoản 5, Điều 54 LDN 2014

Nam không phải là người trong hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai và thứ ba nên anh chỉ là thành viên của công ty được HĐQT chấp nhận

→ Anh Nam không đương nhiên trở thành thành viên của công ty

**Câu 3:**

1. Theo Khoản 6, Điều 113 LDN 2014

Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi

→ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty là không hợp pháp

2. Theo Điểm 1, Khoản 2, Điều 135 hoặc Điểm a, Khoản 2, Điều 192 LDN 2014 và Điều 149 LDN 2014

Thẩm quyền chia công ty là của Đại hội đồng cổ đông không phải của Hội đồng quản trị.

→ Nghị quyết chia công ty của Hội đồng quản trị không có căn cứ pháp lý

**Câu 4:**

1. B có thẩm quyền giao kết hợp đồng trên nếu B là người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của công ty.

2. Theo Điều 124 BLDS 2015

Hợp đồng giả tạo trong tình huống trên là hợp đồng tặng cho nhằm che dấu hợp đồng bán tài sản. Nên khi A và C xác lập hợp đồng một cách giả tạo nhằm che dấu một hợp đồng khác thì hợp đồng giả tạo vô hiệu còn hợp đồng bị che dấu vẫn có hiệu lực

→ Hợp đồng tặng cho C vô hiệu do giả tạo.

**Câu 5:**



\* Ưu điểm:

- Thủ tục linh hoạt, mềm dẻo, thể hiện rõ quyền định đoạt của các bên, thủ tục đơn giản hơn tổ tụng tòa án
- Đảm bảo uy tín của các bên
- Duy trì bí mật của các bên tranh chấp
- Cũng cố lâu dài mối quan hệ của các bên
- Phản quyết trọng tài được thừa nhận ở tất cả các nước tham gia công ước NewYork

**Câu 6:**

1. Theo Khoản 5, Điều 5 LPS 2014

Nếu ông Dũng thỏa mãn điều kiện: sở hữu từ 20% CPPT của công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng thì việc nộp đơn của ông là hợp pháp

→ Việc nộp đơn của ông Dũng là hợp pháp

Ông Dũng không thỏa mãn một trong hai điều kiện: sở hữu từ 20% CPPT của công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng

→ Việc nộp đơn của ông là không hợp pháp

2. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 8 LPS 2014

Do công ty có 2 chi nhánh đặt tại 2 quận của 2 thành phố Hải Phòng và Hồ Chí Minh

→ TAND có thẩm quyền giải quyết là TAND TP Hà Nội nơi công ty đăng ký doanh nghiệp



maítòtòe  
**BÀI TẬP LUẬT KINH TẾ**

**MỤC LỤC**

Phần I: Pháp luật về doanh nghiệp..... 1  
Phần II: Pháp luật về hợp đồng ..... 19  
Phần III: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh..... 23  
Phần IV: Pháp luật về phá sản ..... 26

mentortec

Phần I: Pháp luật về doanh nghiệp

**Bài 1:**

1. Theo Khoản 1, Điều 38 LDN 2014 → Không hợp pháp.
2. Theo Khoản 1, Điều 19 NBĐ 78/2015 → Không hợp pháp.
3. Theo Điều 38, 40 LDN 2014 → Hợp pháp.
4. Theo Khoản 2, Điều 39 LDN 2014 → Không hợp pháp.
5. Theo Khoản 1, Điều 39 LDN 2014 → Không hợp pháp.
6. Theo Điều 38 và Khoản 1, Điều 39 LDN 2014 → Hợp pháp.
7. Theo Khoản 1 Điều 39 và Khoản 1,2 Điều 42 LDN 2014 → Không hợp pháp.
8. Theo Khoản 1, Điều 19 NBĐ 78/2015 → Không hợp pháp.
9. Theo Khoản 1, Điều 39 và Khoản 2, Điều 42 LDN 2014 → Không hợp pháp.
10. Theo Khoản 2, Điều 41 LDN 2014 → Không hợp pháp.

**Bài 2:**

Theo Khoản 3, Điều 47 LDN 2014.

Công ty TNHH 2TV trở lên không được quyền phát hành cổ phần

→ Công ty sẽ không được kết nạp rộng rãi người ngoài vào công ty.

Theo Khoản 1, Điều 50 LDN 2014.

Các cổ đông (thành viên) đều có quyền tham gia họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

Công ty TNHH 2TV trở lên có tư cách pháp nhân → được hưởng chế độ TNHH.

→ Anh chị Vương Gia nên lựa chọn loại hình doanh nghiệp là công ty TNHH 4TV.

**Bài 3:**

1. Theo Khoản 1 và 2, Điều 18 LDN 2014

→ Sao có thể cùng góp vốn thành lập công ty TNHH 2TV Siêu Sao.

2. Siêu Sao cần chuẩn bị hồ sơ theo Điều 22 LDN 2014

Theo Khoản 1, Điều 27 LDN 2014

→ Hồ sơ đăng ký kinh doanh phải nộp tới cơ quan đăng ký kinh doanh

3. Theo Khoản 3, Điều 18 LDN 2014.

→ Sáng có quyền góp vốn vào công ty.

4. Theo Khoản 1, Điều 46 LDN 2014.

→ Dự định của Siêu Sao có thể thực hiện được.

**Bài 4:**

1. Theo Khoản 1, Điều 35 LDN 2014.

→ Các thành viên của công ty góp vốn bằng những loại tài sản trên có hợp pháp.

2. Theo Khoản 2, Điều 37 LDN 2014.

Trách nhiệm của các thành viên về việc định giá không chính xác giá trị tài sản góp vốn được quy định như sau:

+) Cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được đánh giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc đánh giá.

+) Liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

3. Theo Khoản 1, Điều 37 LDN 2014.

→ Tài sản góp vốn của Bất có cần định giá.

4. Việc góp vốn của các thành viên sẽ được thực hiện theo Điều 36 LDN 2014

**Bài 5:**

1. Theo Khoản 4, Điều 183 LDN 2014.

DNTN không được góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty TNHH hoặc công ty cổ phần.

→ Việc DNTN Mỹ Nhân Ngư góp vốn thành lập CTCP Người Cá nói trên là không hợp pháp.

2. Theo Khoản 3, Điều 183 LDN 2014.

Chủ DNTN không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc thành viên công ty hợp danh.

→ Nhân có thể góp vốn vào công ty TNHH Lâu Cá.

3. Theo Khoản 1, Điều 183 LDN 2014

Ngân chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động kinh doanh

→ DNTN Mỹ Nhân Ngư phải trả nếu còn thiếu Thi Trần Mỹ Nhân phải trả.

→ Trường hợp DNTN phá sản thì Trần Mỹ Nhân phải trả toàn bộ.

**Bài 6:**

1. Theo Khoản 3, Điều 183 LDN 2014.

→ Việc thành lập thêm 1 DNTN của Ông Minh không hợp pháp.

2. Theo Khoản 3, Điều 184 LDN 2014.

→ Việc đầu tư thêm vốn vào DNTN Quang Minh của ông Minh có hợp pháp. Ông cần thực hiện thủ tục ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán.

3. Theo Khoản 1, Điều 187 LDN 2014.

→ Việc ông Minh bán DNTN cho ông Mẫn có hợp pháp.

4. Theo Khoản 2, Điều 187 LDN 2014.

→ Lập luận của ông Minh không có căn cứ pháp lý.

**Bài 7:**

1. Theo Khoản 1, Điều 185 LDN 2014

Ông Nghĩa có toàn quyền quyết định việc sử dụng lợi nhuận

→ Việc ông Nghĩa rút lãi của DNTN Đại Nghĩa là có hợp pháp

2. Theo Điều 198 LDN 2014.

→ Ông Nghĩa có thể cho bà Trang thuê lại doanh nghiệp và phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến cơ quan ĐKKD, cơ quan thuế trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng cho thuê có hiệu lực thi hành.

3. Theo Khoản 3, Điều 185 LDN 2014; Điều 116 LDN 2014.

Trong thời gian cho thuê chủ DNTN vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách chủ sở hữu DN và bị đơn.

**Bài 8:**

1. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 172 LDN 2014.

Thành viên hợp danh phải là cá nhân trong khi đây là công ty trách nhiệm hữu hạn.

→ Toàn và công ty An Nhiên không thể thành lập được công ty hợp danh An Toàn.

2. Theo Điểm a, b, Khoản 1, Điều 172 LDN 2014.

→ Để thành lập công ty được thì Toàn và An là thành viên hợp danh còn công ty trách nhiệm hữu hạn.

Theo Khoản 1, Điều 174 LDN 2014.

Việc thành lập công ty hợp danh An Toàn là hợp pháp thì khi thực hiện việc góp vốn các thành viên phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản của mình cho công ty

3. Theo Khoản 1, Điều 178 LDN 2014.

An phải yêu cầu chủ tịch hội đồng thành viên mở cuộc họp đồng thời khi chủ tịch hội đồng thành viên sẽ mở cuộc họp hội đồng thì lúc đó anh mới triệu tập cuộc họp hội đồng thành viên được.

→ Việc triệu tập cuộc họp hội đồng thành viên của An không hợp pháp.

4. Theo Khoản 3, Điều 175 LDN 2014.

→ Cách chuyển nhượng của An hợp pháp khi đã được Toàn chấp nhận.

#### **Bài 9:**

1. Theo Khoản 1, Điều 181 LDN và Điểm b, Khoản 1, Điều 172 LDN 2014.

→ Công ty TNHH Thành Đô có thể trở thành thành viên của công ty hợp danh Một Hai Ba Bốn và tham gia với tư cách thành viên vì thành viên hợp danh phải là cá nhân.

2. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 176 LDN 2014.

→ E trở thành thành viên hợp danh của công ty hợp danh Một Hai Ba Bốn khi được hội đồng thành viên chấp nhận.

3. Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 182 LDN 2014.

→ Bốn có quyền tham gia họp và biểu quyết tại cuộc họp.

4. Theo Khoản 6, Điều 180 LDN 2014.

→ Yêu cầu của 2 có hợp pháp.



**Bài 10:**

1. Theo Khoản 1, Điều 178 LDN 2014.

→ Bà Hạnh không có thẩm quyền triệu tập cuộc họp thành HĐTV trừ khi chủ tịch HĐTV không triệu tập cuộc họp theo yêu cầu của thành viên hợp danh thì lúc đó bà Hạnh mới được triệu tập họp HĐTV.

2. Theo Điểm c, Khoản 3, Điều 177 LDN 2014.

→ Bà Lan có thể trở thành thành viên hợp danh của công ty. (3/4 TV hợp danh).

3. Việc rút vốn có thể thực hiện được khi được hội đồng thành viên chấp nhận (theo khoản 2 điều 180 LDN 2014)

4. Trách nhiệm của Huỳnh được quy định tại Khoản 5, Điều 180 LDN 2014.

Trách nhiệm của Lan được quy định tại Khoản 3, Điều 181 LDN 2014

Theo Điểm d, Khoản 1, Điều 176 LDN 2014.

→ Tất cả các thành viên phải liên đới chi thanh toán hết số nợ còn lại của công ty.

**Bài 11:**

1. Trách nhiệm của công ty Nặc Nê đối với khoản nợ của công ty Nặc Nê được quy định tại Khoản 3, Điều 74 LDN 2014.

Chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ 7 tỷ và phải đi đăng kí điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp trong thời hạn 30 ngày.

2. Theo Khoản 5, Điều 79 LDN 2014.

→ Cuộc họp đủ điều kiện tiến hành

Theo Khoản 6, Điều 79 LDN 2014.

→ Nghị quyết của HĐTV về việc bổ sung điều lệ công ty không được thông qua khi B và C không đồng ý (vắng mặt).

3. Trong luật TNHH 1TV không quy định gì về điều này nên chắc là hợp pháp ;)))))

4. Theo Khoản 1, Điều 87 LDN 2014.

→ Nặc Nê không thể vì muốn rút vốn mà quyết định giảm vốn điều lệ của công ty.

→ Việc làm này của Nặc Nê là không hợp pháp.

**Bài 12:**

1. Theo Khoản 1, Điều 78 LDN 2014.

Cơ cấu tổ chức quản lí của công ty Lợn Lưng theo 1 trong 2 mô hình theo quy định trên

2. Theo Khoản 1, Điều 79 LDN 2014.

→ Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT có hợp pháp.

Theo Khoản 1, Điều 81 LDN 2014.

HĐTV hoặc chủ tịch công ty bổ nhiệm giám đốc vậy nên trước hết công ty Lợn Lưng cần bổ nhiệm chủ tịch công ty Lợn Lưng.

→ Việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty Lợn Lưng không hợp pháp.

3. Theo Khoản 1, Điều 82 LDN 2014.

→ Chủ sở hữu công ty, chính là công ty Lợn Lòi quyết định số lượng kiểm soát viên, bổ nhiệm kiểm soát viên.

→ Việc làm của HĐQT công ty Lợn Lưng không hợp pháp.

**Bài 13:**

1. Theo Khoản 4, Điều 183 LDN 2014

DNTN chỉ không được quyền góp vốn thành lập công ty TNHH

→ Việc ông A thành lập công ty Lợn Mán có hợp pháp

2. Theo Khoản 1, Điều 81 LDN 2014

→ Việc ông A thành lập công ty Lợn Mán có hợp pháp

3. Theo Khoản 2, Điều 87 LDN 2014

→ Việc làm của ông A có hợp pháp

→ Hệ quả pháp lí theo khoản 3 điều 87 LDN 2014

4. Theo Khoản 2, Điều 77 LDN 2014

Ông A ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu công ty của mình

→ Ông A không mất tư cách chủ sở hữu công ty

**Bài 14:**

1. Theo Điểm d, Khoản 1, Điều 99 LDN 2014

Giám đốc hoặc tổng giám đốc có quyền kí hợp đồng thỏa thuận nhân danh công ty. Vậy trong trường hợp này ông Thanh dù là chủ tịch công ty nhưng không phải là người đại diện theo pháp luật.

Theo Khoản 2, Điều 98 LDN 2014

Đây không phải trường hợp thuộc thẩm quyền của chủ tịch công ty

→ Việc ông Thanh kí hợp đồng tín dụng trên là không hợp pháp

2. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 101 LDN 2014

→ Việc miễn nhiệm ông Hiếu có hợp pháp

Theo Khoản 8, Điều 100 LDN 2014

Ông Trung vi phạm điều kiện tiêu chuẩn của giám đốc tổng giám đốc

→ Việc bổ nhiệm ông Trung là không hợp pháp

3. Theo Điều 100 LDN 2014

Bà Yên không vi phạm điều kiện tiêu chuẩn của giám đốc, tổng giám đốc

→ Việc bổ nhiệm bà Yên là hợp pháp

**Bài 15:**

1. Theo Khoản 2, Điều 90 LDN 2014

Chỉ được 3-7 thành viên bao gồm chủ tịch

→ Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm 9 người vào trong HĐQT là không hợp pháp

Theo Khoản 1, Điều 102 LDN 2014

→ Thành lập BKS gồm 7 người là không hợp pháp

Theo Khoản 2, Điều 103 LDN 2014

→ M không được làm trong BKS

Theo Điểm c, Khoản 3, Điều 103 LDN 2014

→ N có được làm trong BKS

2. Theo Điều 92 LDN 2014

→B đủ điều kiện là thành viên HĐQT

Theo Điều 100 LDN 2014

→B đủ điều kiện làm GD

Theo Khoản 1, Điều 97 LDN 2014

B là giám đốc nên có thể yêu cầu họp HĐQT bất thường

→ B có thẩm quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường

4. Theo Khoản 4, Điều 97 LDN 2014

Có 5/7 thành viên HĐQT tham dự > 2/3 thành viên HĐQT

→Cuộc họp HĐQT đủ điều kiện tiến hành

5. Theo Khoản 4, Điều 97 LDN 2014

Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của chủ tịch HĐQT là nội dung được thông qua trong trường hợp này. A là chủ tịch HĐQT và A bỏ phiếu tán thành.

→ Nghị quyết của HĐQT, có được thông qua

#### Bài 16:

1. Theo Khoản 2, Điều 48 LDN 2014

Ông Hải góp được 900 triệu đồng, còn 2,1 tỷ mà cứ 3 tháng ông góp 100 triệu. Như vậy sau thời hạn 90 ngày ông Hải không góp đủ số vốn đã cam kết.

→ Thỏa thuận góp vốn của ông Quế, chị Ngọc là hợp pháp; Ông Hải là không hợp pháp.

2. Theo Điểm c, Khoản 3, Điều 48 LDN 2014

→ Phần vốn góp chưa góp đủ được chào bán theo quyết định của HĐQT

3. Theo Khoản 5, Điều 54 LDN 2014

→ Bà Mai là vợ đương nhiên trở thành thành viên của công ty.

Theo Khoản 6, Điều 94 LDN 2014

→ Ông Bình không đương nhiên trở thành thành viên của công ty mà còn phải được HĐQT chấp nhận.

**Bài 17:**

1. Theo Điểm a, Khoản 3, Điều 68 LDN 2014

Từ 25/6/2017 đến 25/6/2018 thì công ty hoạt động kinh doanh được 1 năm

→ Việc giảm vốn điều lệ như trên không hợp pháp.

2. Theo Khoản 1, Điều 54 LDN 2014

→ Các con của ông Bình đương nhiên trở thành thành viên của công ty.

3. Theo Khoản 2, Điều 68 LDN 2014

Ông An phải đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ có thể không góp thêm vốn

→ Hành vi của ông An là có hợp pháp.

Cách xử lý: Trong trường hợp này, số vốn góp thêm.... không có thỏa thuận khác (Khoản 2, Điều 68 LDN 2014 – trích ra)

**Bài 18:**

1. Theo khoản 2, điều 48 LDN 2014

Linh phải góp đủ số vốn như cam kết

→ Việc các thành viên nhất trí để Linh góp vốn như trên không hợp pháp

2. Theo Điều 69 LDN 2014

→ Quyết định chia lợi nhuận của Hoàng là hợp pháp.

Theo Khoản 3, Điều 50 LDN 2014

Phải chia tương ứng với phần vốn góp: Hoàng 50%; Linh 33,33%; Thủy 16,67%

→ Hành vi chia tỷ lệ lợi nhuận của Hoàng là không hợp pháp.

3. Theo điểm b, Khoản 1, Điều 53 LDN 2014

Linh chỉ được chuyển nhượng cho Thành sau thời hạn 30 ngày chào bán cho Hoàng, Thủy

→ Việc chuyển nhượng vốn là không hợp pháp.

**Bài 19:**

1. Theo Điều 55 LDN 2014

Công ty có 4 thành viên ít hơn 11 thành viên thì công ty có thể thành lập BKS phù hợp với yêu cầu quản trị của công ty.

→ Công ty không phải thành lập BKS mà là có thể thành lập BKS

2. Theo Điểm a, Khoản 8, Điều 50 LDN 2014

Tùng sở hữu 15% > 10% vốn điều lệ công ty có quyền yêu cầu triệu tập họp HĐQT

Theo Khoản 3, Điều 58 LDN 2014

Nếu chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT thì 15 ngày thì Tùng mới có quyền triệu tập họp HĐQT

→ Tùng không có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT mà quyền yêu cầu triệu tập họp HĐQT

Theo Điểm i, Khoản 2, Điều 56 LDN 2014

→ HĐQT có quyền thành lập chi nhánh.

3. Theo Điểm b, Khoản 4, Điều 60 LDN 2014

→ Phúc ủy quyền cho đại diện tham dự họp HĐQT là có hợp pháp.

Theo Khoản 1, Điều 59 LDN 2014

Tùng, Đức đại diện ủy quyền của Phúc đại diện cho 60% vốn điều lệ

→ Cuộc họp HĐQT lần 1 không đủ điều kiện tiến hành.

4. Theo điểm đ, Khoản 2, Điều 56 LDN 2014

HTV có quyền bãi nhiệm giám đốc

→ Quyết định này của Sơn là không hợp pháp.

5. Theo điểm e, Khoản 2, Điều 64 LDN 2014

Tùng là giám đốc có quyền ký kết hợp đồng

Theo Khoản, điều 57 LDN 2014

Việc ký hợp đồng không thuộc thẩm quyền của chủ tịch HĐQT

→ Việc ký kết hợp đồng trên là có hợp pháp.

#### **Bài 20:**

1. Theo Khoản I, Điều 111 LDN 2014.

Cổ phần đã được đăng ký mua: 1.900.000,

giá trị mệnh giá cổ phần là:  $1.900.000 \times 10.000 = 19.000.000.000$  (VND)

→ Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm đăng ký thành lập là 19 tỷ VND.

2. Theo Khoản 1, Điều 112 LDN 2014.

Các cổ đông phải thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy CNEKDN.

Từ 22/4/2016 cấp giấy CNEKDN → 20/7/2016 là thời hạn cuối cùng để các cổ đông thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua.

(Tháng 4 có 30 ngày, tháng 5 có 31 ngày, tháng 6 có 30 ngày)

3. Theo Khoản 1, Điều 112 LDN 2014.

Bà Cầu trong thời hạn 90 ngày thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua.

Theo Điểm b, Khoản 3, Điều 112 LDN 2014.

Sau thời hạn 90 ngày thanh toán cổ phần đã đăng ký mua, bà Cầu chỉ thanh toán 1 phần, không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác.

→ Bà Cầu không thể thực hiện được việc chuyển nhượng này.

4. Theo Khoản 3, Điều 119 LDN 2014.

Từ 22/4/2016 → 27/1/2017 chưa đủ thời hạn 3 năm.

Ông Tâm không phải là cổ đông sáng lập.

→ Việc chuyển nhượng của bà Cầu không hợp pháp.

5. Theo Khoản 1, Điều 129 LDN 2014.

Từ 10/12/2017 → 15/12/2017 trong thời hạn 10 ngày.

Không đồng ý với Nghị quyết tổ chức lại công ty.

→ Việc yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình của ông Bằng là hợp pháp.

**Bài 21:**

1. Theo Điểm a, Khoản 3, Điều 197 LDN 2014.

Ông Cường là tổng giám đốc có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT

→ Ông Cường có quyền ký kết.

2. Theo Điểm c, Khoản 3, Điều 136 LDN 2014; Điểm c, Khoản 2 và Khoản 3, Điều 114 LDN 2014.

→ Ông Việt là cổ đông sở hữu từ 10% tổng số CPPT

→ Ông Việt có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ.

3.

a) Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 114 LDN 2014.

Bà Hà đại diện công ty Tinh Tinh vàng mặt mà các cổ đông khác đều có mặt. Số cổ đông có mặt đại diện cho

$$\frac{(550 + 300 + 400 + 200 + 500 + 400).1000}{(550 + 300 + 400 + 200 + 500 + 400 + 1000).1000} \cdot 100\% = 85,45\% > 51\%$$
 tổng số phiếu biểu quyết.

→ Cuộc họp đủ điều kiện tiến hành nếu Bà Hà, đại diện công ty Tinh Tinh vàng mặt.

b) Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 114 LDN 2014.

→ Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

Theo Khoản 1, Điều 141 LDN 2014.

Ông Cường, đại diện công ty Ngân Lượng và bà Mai, đại diện công ty Tinh Tinh vàng mặt

→ Số cổ đông có mặt đại diện cho  $\frac{(550 + 400 + 200).1000}{2750000} \cdot 100\% = 41,81\% < 51\%$  tổng số biểu quyết

→ Cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành.

4. Theo Điểm d, Khoản 9, Điều 153 LDN 2014.

Ông Việt được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp do ông đã gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua bưu điện (thư).

→ Khi thông qua Nghị quyết của HĐQT có tính phiếu biểu quyết của ông Việt.

5. Theo Điểm b, Khoản 2, Điều 114 LDN 2014.



Bà Mai là cổ đông sở hữu hơn 10% tổng số CPPT nên bà có quyền xem xét và trích lục báo cáo của công ty.

→ Yêu cầu của bà là hợp pháp.

**Bài 22:**

1. Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 134 LDN 2014.

Công ty có thể không thành lập Ban Kiểm soát.

Theo Khoản 1, Điều 134 LDN 2014.

Công ty phải thành lập HĐQT.

→ Dự định của CTCP CEN không thể thực hiện.

2. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 191 LDN 2014.

Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

→ Ông Cường có thể trở thành thành viên HĐQT công ty.

3. Theo Khoản 1, Điều 157 LDN 2014.

HQĐT bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

→ Việc ĐHĐCĐ quyết định thuê ông Phú làm Giám đốc là không hợp pháp.

4. Theo Điều 65 LDN 2014; Khoản 2, Điều 18 LDN 2014.

→ Ông Phú có thể trở thành giám đốc của CTCP CEN được.

5. Theo Khoản 2, Điều 157 LDN 2014.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 5 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

→ Quyết định này là không hợp pháp

6. Theo Khoản 1, Điều 164 LDN 2014.

..., Huệ, Lan đủ điều kiện và tiêu chuẩn của KSV.

Theo Điểm c, Khoản 2, Điều 135 LDN 2014.

ĐHĐCĐ có quyền bầu KSV.

Theo Khoản 2, Điều 163 LDN 2014.

Các KSV bầu 1 người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát.

→ Việc làm của ĐHĐCĐ là không hợp pháp.

7. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 164 LDN 2014.

Cúc - con đầu giám đốc có thể làm KSV.

→ Việc làm này của ĐHĐCĐ là có hợp pháp.

**Bài 23:**

1. Theo Khoản 3, Điều 116 LDN 2014.

A không có quyền chuyển nhượng cổ phần cho người khác.

→ Việc làm của A là không hợp pháp.

2. Theo Khoản 1, Điều 123 LDN 2014.

→ Việc làm của HĐQT là không hợp pháp.

3. Theo Điểm c, Khoản 2, Điều 114 LDN 2014; Điểm a, Khoản 3, Điều 114 LDN 2014.

→ C có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ.

Theo Khoản 3, 4, 5, Điều 136 LDN 2014.

HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ.

→ C không có quyền triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Theo Khoản 1, Điều 141 LDN 2014; Khoản 1, Điều 116 LDN 2014.

A, B, C, E tham dự,

đại diện cho:  $\frac{20000.2 + 40000 + 60000.2 + 100000}{20000.2 + 40000 + 60000.2 + 80000 + 100000 + 200000} \cdot 100\% = 51,72\%$

51% tổng số phiếu

biểu quyết.

→ Cuộc họp có được diễn ra.

5. Theo Khoản 1, Điều 144 LDN 2014.

A, B, C, D đồng ý, đại diện cho tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (58,3% < 65%)

→ Nghị quyết trên không được thông qua.

$$\left( \frac{20000.2 + 40000 + 60000.2 + 80000}{20000.2 + 40000 + 60000.2 + 80000 + 200000} \cdot 100\% = 58,3\% \right)$$

6. Theo Khoản 1, Điều 163 LDN 2014.

→ Việc làm này của công ty là không hợp pháp.

7. Theo Khoản 1, Điều 148 LDN 2014.

→ Thời điểm có hiệu lực của Nghị lục ĐHDCĐ kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

8. Theo Khoản 3, Điều 162 LDN 2014.

Hợp đồng giá trị 40% tổng giá trị TS của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Người đại diện công ty phải thông báo cho HĐQT và KSV... Hợp đồng được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 69% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

→ Giao dịch này không hợp pháp.

#### Bài 24:

1. Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 134 LDN 2014.

CTCP có từ 11 cổ đông trở lên hoặc 1 cổ đông là tổ chức sở hữu từ 50% số cổ phần trở lên thì phải có BKS.

→ Việc không thành lập BKS là có hợp pháp.

2. Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 151 LDN 2014.

→ Việc bầu ông Sơn làm thành viên HĐQT công ty Quốc tế Nội Bài là hợp pháp.

3. Theo Khoản 1, Điều 157 LDN 2014.

→ Việc HĐQT thuê ông Bình không phải là cổ đông của Công ty làm Giám đốc là hợp pháp.

4. Theo Khoản 2, Điều 157 LDN 2014; Điều 65 LDN 2014; Khoản 2, Điều 18 LDN 2014.

→ Ông Bình có thể trở thành Giám đốc của Công ty Quốc tế Nội Bài.

5. Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 162 LDN 2014

Theo Khoản 17, Điều 4 LDN 2014

Luật không nhắc đến con rết là người liên quan của nên chắc là hợp đồng này có hợp pháp :))))))

6. Theo Điểm c, Khoản 2, Điều 135 LDN 2014

→ ĐHĐCD có quyền bầu KSV

Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 164 LDN 2014

→ KSV không giwuc chức vụ quản lý công ty

Theo Khoản 18, Điều 4 LDN 2014

→ Việc bầu bà Trang vào BKS là không hợp pháp

**Bài 25:**

1. Theo Điểm a, Khoản 2, Điều 192 LDN 2014.

HDTV, Chủ sở hữu công ty hoặc ĐHĐCD thông qua Nghị quyết chia công ty

→ Quyết định chia của HĐQT là không hợp pháp.

2. Theo Khoản 4, Điều 192 LDN 2014.

→ Các công ty mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ chưa thanh toán hoặc thỏa thuận với chủ nợ để một trong hai công ty thực hiện nghĩa vụ

3. Theo Khoản 4, Điều 192 LDN 2014.

Các công ty mới có thể thỏa thuận với chủ nợ để 1 công ty TNHH Nhà Mới chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ

→ Quyết định của ĐHĐCD CTCP Đất Mới là không phù hợp với quy định của PL.

4. Loại hình DN được áp dụng sáp nhập DN là CT TNHH, CTCP, CTHD

DNTN không phải là đối tượng sáp nhập

→ Công ty Nhà Mới không thể sáp nhập vào DNTN Mường Tè

**Bài 26:**

1. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 201 LDN 2014.

Các thành viên Công ty TNHH Ba Dũng muốn giải thể công ty.

→ Công ty Ba Dũng có thể giải thể được.

2. Theo Điểm d, Khoản 1, Điều 201 LDN 2014.

Bị thu hồi giấy CNĐKDN thì doanh nghiệp bị giải thể.

→ Trong trường hợp công ty TNHH Ba Dũng bị thu hồi giấy CNĐKDN mà vẫn muốn tiếp tục thực hiện hoạt động kinh doanh là không được.

3. Theo Khoản 6, Điều 202 LDN 2014.

→ 2 tỷ này chia cho các thành viên theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp

Phần II: Pháp luật về hợp đồng

**Bài 27:**

1. Theo Điều 385 LDS 2015 và Điều 1 LDS 2015.

→ Các VBQPPL thuộc LDS 2015 đều được áp dụng để điều chỉnh hợp đồng.

2.

Hợp đồng giá trị 2 tỷ: Trong giấy ủy quyền ghi rõ tất cả hợp đồng có giá trị từ 0,5 tỷ trở lên đều phải có sự đồng ý của Giám đốc.

→ Thu không có quyền nhân danh Công ty TNHH Thu Đông để giao kết hợp đồng với Xuân Hạ.

3.

a) Theo Khoản 1, Điều 401 LDS 2015.

→ Hợp đồng có hiệu lực từ thời gian giao kết.

b) Theo Khoản 1, Điều 401 LDS 2015.

→ Hợp đồng có hiệu lực sau 30 ngày kể từ thời điểm giao kết.

4. Theo Khoản 1, Điều 407 LDS 2015 và Điều 123 LDS 2015.

→ Hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật.

**Bài 28:**

1. Theo Điều 285 LDS 2015.

Bên A thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này với bên B.

→ Hình thức của lời đề nghị này phù hợp với quy định của PL.

2. Theo Khoản 1, Điều 388 LDS 2015.

→ Đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực từ 8h15 ngày 22/6/2018.

→ Thời hạn có hiệu lực của lời đề nghị giao kết là 5 ngày, nhưng là 5 ngày làm việc (không tính ngày nghỉ) kể từ 8h15 ngày 22/6/2018.

3. Theo Khoản 1, Điều 400 LDS 2015.

→ Hợp đồng mua bán trong trường hợp này đã được giao kết.

Theo Khoản 1, Điều 401 LDS 2015.

→ Hiệu lực của hợp đồng phát sinh tại 13h46 ngày 22/6/2018

4. Theo Điều 390 LDS 2015; Điều 423 LDS 2015.

Từ 8h15 ngày 22/6/2018 đến 26/6/2018 trong thời hạn 5 ngày làm việc

→ Thông báo về việc hủy bỏ giao kết hợp đồng nói trên là không hợp pháp.

→ Bên A vẫn phải thực hiện nghĩa vụ giao hàng trong thời hạn đã thỏa thuận.

#### **Bài 29:**

1. Theo Điều 123 LDS 2015.

→ 2 hợp đồng có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật.

2. Theo Điều 117 và 122 LDS 2015.

→ Hợp đồng vô hiệu từ thời điểm giao kết hợp đồng tức là 15/10/2017.

→ Cách xử lý: Theo điều 131 LDS 2015.

3. Theo Điều 132 LDS 2015.

→ Tòa án có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

Theo Khoản 3, Điều 132 LDS 2015.

→ Thời hạn yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu không bị hạn chế.

#### **Bài 30:**

1. Theo Điều 385 LDS 2015.

Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Nên B vẫn có quyền không chấp nhận.

→ B không đương nhiên chấp nhận yêu cầu thay đổi của bên A.

2. Theo Khoản 1, Điều 410 LDS 2015 và Khoản 2, Điều 411 LDS 2015.

→ Do bên A đến hạn không thực hiện thì bên B có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ đến hạn.

3. Theo Điều 414 LDS 2015.

Bên A đã thực hiện được 1 phần nghĩa vụ là 2/4 số hàng nên có quyền yêu cầu bên B thanh toán phần nghĩa vụ tương ứng là 2/4 số hàng

→ Yêu cầu của bên A là không hợp pháp.

4. Theo Điều 360 LDS 2015.

Do A vi phạm nghĩa vụ nên B bị thiệt hại 200 triệu.

→ Bên A có phải bồi thường cho B

Theo Khoản 1, Điều 419 LDS 2015 và Điều 360 LDS 2015.

→ A sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại 200 triệu cho B

5. Theo Điều 35 LTM 2010

Bên A có nghĩa vụ giao hàng đúng địa điểm đã thỏa thuận.

→ Việc làm của bên A là không hợp pháp.

**Bài 31:**

1. Theo Điều 309 LDS 2015

→ Công ty An Bình đã giao quyền sử dụng đất cho NHTMCP Đại Phát.

→ Biện pháp bảo đảm mà Công ty TNHH An Bình sử dụng để bảo đảm khoản vay là cầm cố tài sản.

2. Theo Khoản 1, Điều 296 LDS 2015.

Giá trị của quyền sử dụng đất là 20 tỷ, lớn hơn tổng nghĩa vụ được bảo đảm là 10 tỷ và 800 triệu.

→ Bên A có thể tiếp tục sử dụng quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của mình tại NHTMCP Q.

3. Theo Khoản 3, Điều 296 LDS 2015.

Đến hạn trả nợ 800 triệu Công ty An Bình đã không thể trả nợ.

→ Các nghĩa vụ trả nợ đều đến hạn và 2 bên NHTMCP Đại Phát và NHTMCP Q đều được tham gia xử lý TS.

Theo Khoản 2, Điều 303 LDS 2015.

→ TS được bán đấu giá.

Theo Khoản 1, Điều 304 LDS 2015 quy định về việc bán đấu giá TS.

Theo Điều 308 LDS 2015 quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán giữa 2 bên là NHTMCP Đại Phát và NHTMCP Q.

#### **Bài 32:**

1. Theo Khoản 2, Điều 418 LDS 2015 và Điều 301 LTM 2005.

Bên B bị áp dụng phạt hợp đồng, mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

2. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 294 LTM 2005.

Do lũ quét nên gạo không thể giao hàng đúng hạn, lũ quét là sự kiện bất khả kháng.

→ Hành vi giao hàng như trên của bên B không phải là hành vi VPHD.

Theo Khoản 2, Điều 294 LTM 2005.

→ Bên B có nghĩa vụ chứng minh trường hợp miễn trách nhiệm này.

3. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 294 LTM 2005.

Do lũ quét là sự kiện bất khả kháng nên đây là trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm.

→ Bên A không thể áp dụng phạt hợp đồng với bên B.

4. Theo Điều 303 LTM 2005 và Khoản 2, Điều 294 LTM 2005.

Hành vi giao chậm của bên B thuộc các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm.



→ Yêu cầu bồi thường thiệt hại của bên A là không hợp pháp.

Phần III: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

**Bài 33:**

1. Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 37 BLTTDS 2015.

Việc giải quyết thuộc thẩm quyền của TAND tỉnh.

→ Công ty GG phải kháng kiện tại Tòa án ND tỉnh DN.

Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 39 BLTTDS 2015.

→ Thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nơi bị đơn có trụ sở

2. Theo Khoản 1, Điều 227 BLTTDS 2015.

→ HĐXX phải hoãn phiên tòa.

→ Tại phiên tòa sơ thẩm lần 1 15/6/2018 yêu cầu của công ty GG không được chấp nhận.

3. 30/7/2018 → Tòa tuyên án; 5/8/2018 Công ty BH nộp đơn kháng cáo.

Theo điều 271

→ Công ty BH có quyền kháng cáo.

Theo Khoản 1, Điều 273

Thời hạn kháng cáo với bản án TA cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Từ 30/7 → 4/8 mới có 6 ngày kể từ ngày tuyên án.

→ Công ty BH nộp đơn kháng cáo là có hợp pháp.

Theo Khoản 1, Điều 29 LTCTAND 2014.

→ TAND CC có thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ việc trên.

4. Theo Khoản 6, Điều 313 LTTDS 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

→ Ý kiến của công ty đường Biên Hòa là không hợp pháp. Bởi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì công ty Biên Hòa cần thực hiện theo đúng bản án. Trường hợp sau này có kháng nghị theo thủ tục GDT thì sẽ được giải quyết sau.

5. Ngày 15/11/2018, công ty BH tiếp tục làm đơn kháng cáo theo thủ tục GDT bản án phúc thẩm.

Theo Điều 331

→ Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Chánh án TANDCC, Viện trưởng VKSNDCC có thẩm quyền kháng nghị.

Sau khi có bản án phúc thẩm thì không được phép kháng án.

→ Việc kháng cáo của công ty BH là không hợp pháp.

**Bài 34:**

1. Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 37.

Theo điểm a, Khoản 1, Điều 39.

→ TAND tỉnh HN có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên.

2. Theo Khoản 1, Điều 273: thời hạn kháng cáo là 15 ngày.

10/4 → 20/4 là 20 ngày.

→ Việc kháng cáo của B là không hợp pháp.

Giá sử việc kháng cáo của B là hợp pháp.

Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 38

→ Tòa dân sự TAND tỉnh HN có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án trên.

3. Theo Điều 331 thì có Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Chánh án TANDCC, Viện trưởng VKSNDCC mới có thẩm quyền kháng nghị

Còn sau khi có bản án phúc thẩm thì B không được kháng cáo.

→ Việc Tòa án từ chối thụ lý là có căn cứ.

4. Theo Khoản 2, Điều 352 LTTDS 2015

→ B có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm.

Theo Khoản 1, Điều 353 LTTDS 2015

→ B nên thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại Điều 254 của LTTDS 2015.

5. Theo Khoản 1, Điều 29 LTCTAND thì TAND cấp cao phúc thẩm bản án, quyết định sơ thẩm của TAND tỉnh.

→ TANDCC có thẩm quyền giải quyết.

**Bài 35:**

1. Theo Khoản 2, Điều 2 LTTTM 2010.

→ Tranh chấp có thuộc thẩm quyền giải quyết của TTIM

Theo Khoản 1, Điều 5 LTTTM 2010.

→ Các bên có thỏa thuận trọng tài thì tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài.

2. Theo Điều 16 LTTTM 2010; Khoản 1, Điều 5 LTTTM 2010.

→ Việc thỏa thuận trọng tài bằng văn bản giữa Bà Bắc và đại diện công ty Lục Bình trong tình huống trên là có hợp pháp.

3. Theo Điều 6 LTTTM 2010.

→ Tòa án từ chối thụ lý trong trường hợp trên là có căn cứ.

4. Theo Khoản 1, Điều 66 LTTTM 2010; Điều 69 LTTTM 2010.

Do 1 tháng sau khi đã hết hạn thì hành phán quyết.

→ Bà Bắc có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài.

5. Theo Điều 68 LTTTM 2010.

Công ty Lục Bình không đồng ý có quyền nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết.

Theo Khoản 4, Điều 71 LTTTM 2010.

Khi xét đơn yêu cầu, HĐ xét đơn không xét xử lại nội dung tranh chấp mà HĐTT đã giải quyết.

→ Việc kháng kiện ra Tòa án của Lục Bình là không có căn cứ pháp lý.

**Bài 36:**

1. Theo Khoản 1, Điều 2 LTTTM 2010.

→ TT có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Theo Khoản 1, Điều 5 LTTTM 2010.

Trong hợp đồng đã thỏa thuận tranh chấp được giải quyết bằng TT.

→ Trọng tài Quốc tế VN có quyền được giải quyết tranh chấp trên.

2. Theo Khoản 2, Điều 39 LTTTM 2010.

→ Việc thành lập HĐTT là có hợp pháp.

3. Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 42 LTTTM 2010.

Do là em trai của GB Công ty Việt Hưng → nên Trọng tài viên này phải từ chối hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi

→ Công ty Đại Nam có quyền yêu cầu thay đổi.

4. Theo Khoản 2, Điều 56 LTTTM 2010.

Đại diện công ty Việt Hưng vắng mặt không lý do.

→ Phiên họp giải quyết tranh chấp có tiếp tục được diễn ra.

5. Theo Khoản 5, Điều 4 LTTTM 2010 hoặc Khoản 5, Điều 64 LTTTM 2010.

Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày Tòa đưa ra phán quyết là quyết định cuối cùng, có hiệu lực ngay, các bên không có quyền kháng cáo.

→ Việc làm của Công ty Việt Hưng là không hợp pháp.

Phần IV: Pháp luật về phá sản

#### **Bài 37:**

1. Theo Khoản 2, Điều 5 LPS 2014.

Từ 12/2016 → 20/2/2018 đã quá thời hạn 3 tháng kể từ ngày thực hiện nghĩa vụ trả lương

→ Anh Lã có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục PS đối với công ty Tiki

Theo Khoản 1, Điều 5 LPS 2014.

Ông Sinh là chủ nợ không có bảo đảm nhưng từ 1/1/2018 → 20/2/2018 thì chưa đủ thời hạn 3 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn.

→ Ông Sinh không có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Tiki.

2. Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 8 LPS 2014.

Do công ty Tiki có trụ sở chính tại tỉnh Sơn La và 1 chi nhánh tại Hà Nội.

→ TAND tỉnh Sơn La có thẩm quyền giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản với công ty Tiki.

3.

a) Theo Khoản 1, Điều 47 LPS 2014.

→ Việc ký hợp đồng bán 1000 thùng kẹo là hợp pháp.

b) Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 48 LPS 2014.

→ Việc tặng cho quỹ từ thiện 200 thùng kẹo là không hợp pháp.

c) Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 48 LPS 2014.

→ Việc miễn nghĩa vụ thanh toán hay là từ bỏ quyền đòi nợ là không hợp pháp.

4. Theo Khoản 1, Điều 66 LPS 2014.

Từ 21/3/2018 → 24/4/2018 đã quá thời hạn 30 ngày.

→ Việc gửi giấy đòi nợ của công ty Mai Mai là không hợp pháp.

5. Theo Khoản 1, Điều 75 LPS 2014.

→ Thẩm phán là người triệu tập Hội nghị chủ nợ.

Theo Khoản 2, Điều 75 LPS 2014.

→ Việc thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ phải được gửi cho Công ty Mai Mai chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc Hội nghị.

→ Việc ông Khải triệu tập HNCN và việc không gửi thông báo cho công ty Mai Mai là không hợp pháp.

### **Bài 38:**

1. Theo Điều 5 LPS 2014.

Chi không thuộc trong những người có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

→ Việc nộp đơn của Chi là không hợp pháp.

2. Theo Khoản 3, Điều 5 LPS 2014.

→ Báo (Giám đốc – Người đại diện theo PL) có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục PS.

Theo Khoản 4, Điều 5 LPS 2014.

→ An ( Chủ tịch HĐQT) có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục PS.

3. Theo Khoản 1, Điều 66 LPS 2014.

Từ 30/5/2018 → 4/6/2018 trong thời hạn 30 ngày phải gửi giấy đòi nợ và gửi giấy đòi nợ cho Quán tài viên.

→ Việc gửi giấy đòi nợ của ông Văn là không hợp pháp

4.

a) Theo Khoản 1, Điều 67 LPS 2014.

Nếu ngày 30/5/2018 quyết định mở thủ tục PS → 28/6/2018 ngày hết hạn gửi giấy đòi nợ → ngày 12/7/2018 là ngày đến hạn lập danh sách chủ nợ

Việc lập danh sách chủ nợ là việc của Quán tài viên.

→ Việc lập danh sách chủ nợ của ông Linh là không hợp pháp.

b) Theo Khoản 1, Điều 66 LPS 2014.

→ Chủ nợ có quyền gửi giấy đòi nợ.

Theo Khoản 1, Điều 67 LPS 2014.

Danh sách chủ nợ phân định rõ ràng khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn

→ Việc không đưa ông Bin vào danh sách chủ nợ là không hợp pháp.

5. Theo Khoản 3, Điều 67 LPS 2014.

Nếu 10/6/2018 lập danh sách chủ nợ thì 16/6/2018 quá hạn 5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn niêm yết.

→ Việc khiếu nại của ông Bin là không hợp pháp.

**Bài 39:**

1. Số nợ không có bảo đảm là:

A: 4 tỷ

B: 3 tỷ

C: 1 tỷ

D: 3 tỷ

E: 4 tỷ

Người lao động: 3 tỷ

Nợ thuế NN: 2 tỷ

→ Tổng nợ không được đảm bảo =  $4 + 3 + 1 + 3 + 4 + 3 + 2 = 20$  tỷ

a) Theo Điều 79 LPS 2014.

A, B, C có mặt mà A, B, C đại diện cho:  $\frac{4+3+1}{20} \cdot 100 = 35\%$  tổng số nợ không có bảo đảm

→ HNCN không đủ điều kiện tiến hành.

b) Theo Điều 79 LPS 2014.

A, B, E có mặt mà A, B, E đại diện cho  $\frac{4+3+4}{20} \cdot 100 = 55\%$  tổng số nợ không có bảo đảm,

QTV cũng tham gia

→ HNCN đủ điều kiện tiến hành.

c) Theo Điều 79 LPS 2014.

C, D, E có mặt mà C, D, E đại diện cho  $\frac{1+3+4}{20} \cdot 100 = 40\%$  tổng số nợ không có bảo

đảm, QTV cũng tham gia

→ HNCN không đủ điều kiện tiến hành.

2. Theo Khoản 2, Điều 81 LPS 2014.

A, B, C, D, E tham gia, họ là tất cả số chủ nợ.

A, B, C, E đồng ý; họ đại diện cho  $\frac{4+3+1+4}{20} \cdot 100 = 60\%$  tổng số nợ không có bảo đảm

→ Nghị quyết không được thông qua.

3. Theo Khoản 1, Điều 92 LPS 2014.

Thẩm phán là người ra quyết định công nhận nghị quyết về việc phục hồi hoạt động kinh doanh

→ Việc ra quyết định công nhận nghị quyết về việc phục hồi hoạt động kinh doanh là quyết định của quản tài nên không hợp pháp.

4.

a) Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 95 LPS 2014.

Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

→ Quản tài viên không có quyền quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi đối với công ty Hải Tiến.

b) Theo Khoản 2, Điều 96 LPS 2014.

→ Thẩm phán có quyền ra quyết định tuyên bố phá sản đối với công ty Hải Tiến.

5.

Theo Khoản 3, Điều 53 LPS 2014.

Nợ có TS bảo đảm:

Chủ nợ C: 3 tỷ (2 tỷ được bảo đảm) → thiếu 1 tỷ.

Chủ nợ D: 6 tỷ (3 tỷ được bảo đảm) → thiếu 3 tỷ.

Chủ nợ E: 8 tỷ (4 tỷ được bảo đảm) → thiếu 4 tỷ.

Theo điều 54 LPS 2014.

Thứ tự phân chia:

1) Chi phí PS: 9,5 tỷ - 0,5 tỷ = 9 tỷ

2) Lương người lao động: 9 tỷ - 3 tỷ = 6 tỷ

3) Nợ thuế, khoản nợ không có bảo đảm.

Tổng khoản nợ: 4 + 3 + 1 + 3 + 4 + 2 = 17 tỷ

$$B = D = \frac{6}{17} \cdot 3 \text{ tỷ}$$

$$A = E = \frac{6}{17} \cdot 4 \text{ tỷ}$$

$$C = \frac{6}{17} \cdot 1 \text{ tỷ}$$



$$NN = \frac{6}{17} \cdot 2 \text{ tỷ}$$

**Bài 40:**

1. Theo Khoản 5, Điều 5 LPS 2014.

Ông Chinh là cổ đông sở hữu 25% cổ phần phổ thông; từ ngày 1/2/2018 → 29/5/2018 chưa đủ 6 tháng.

→ Việc nộp đơn của ông Chinh là không hợp pháp.

2.

a) Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 59 LPS 2014.

→ Giao dịch vô hiệu: Không hợp pháp.

b) Theo Điểm d, Khoản 3, Điều 59 LPS 2014.

→ Ông Hải được coi là người liên quan

Theo Khoản 1 và Khoản 2, Điều 59 LPS 2014.

Từ ngày 26/6/2017 → 24/6/2018 nằm trong thời gian 18 tháng trước ngày TAND quyết định mở thủ tục phá sản.

→ Giao dịch này bị coi là vô hiệu.

3. Theo Khoản 1, Điều 67 LDS 2014.

Danh sách chủ nợ phải ghi rõ số nợ của mỗi chủ nợ, trong đó phân định rõ khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn → Ông Vũ, ông Vinh đều phải được đưa vào danh sách chủ nợ.

→ Việc không đưa ông Vũ, ông Vinh vào danh sách chủ nợ là không hợp pháp.

4.

a) Theo Điều 79 LPS 2014; Khoản 1, Điều 80 LPS 2014.

→ Việc hoãn Hội nghị chủ nợ ngày 5/8/2018 của thẩm phán là hợp pháp.

b) Theo Khoản 3, Điều 80 LPS 2014; Điều 79 LPS 2014.

Do triệu tập lại Hội nghị chủ nợ mà tất cả chủ nợ không tham gia ( không đáp ứng quy định tại điều 79 LDN 2014)

→ Việc lập biên bản và quyết định tuyên bố phá sản của thẩm phán là hợp pháp.

5. Theo Khoản 3, Điều 53 LPS 2014.

Nợ có tài sản bảo đảm: + Ông Vinh 4 tỷ → dư 1 tỷ

+ Ông Dư 4,5 tỷ → thiếu 3,5 tỷ

Theo Điểm b, Khoản 3, Điều 53 LPS 2014.

→ Tổng TS của công ty:  $12 + 1 = 13$  tỷ.

Theo Điều 54 LPS 2014.

Thứ tự phân chia:

1) Chi phí PS: 12 tỷ - 200 triệu = 12,8 tỷ

2) Lương người lao động: 12,8 tỷ - 0,8 tỷ = 12 tỷ

3) Nghĩa vụ tài chính, khoản nợ không có bảo đảm.

Tổng khoản nợ =  $5 + 3,5 + 7,5 + 5 + 3 = 24$  tỷ

Ông Vũ = CTNN Hải Phòng =  $\frac{12}{24} \cdot 24$  tỷ

NN =  $\frac{12}{24} \cdot 3 = 1,5$  tỷ

Ông Dư =  $\frac{12}{24} \cdot 3,5 = 1,75$  tỷ

CTCP An Sinh =  $\frac{12}{24} \cdot 7,5 = 3,75$  tỷ

# LÝ THUYẾT LUẬT KINH TẾ



## MỤC LỤC

Phần I: Tổng hợp kiến thức .....	1
Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về LKT.....	3
I. Khái niệm về luật kinh tế .....	3
II. Chủ thể của luật kinh tế .....	3
III. Vai trò của luật kinh tế .....	5
Chương II: Pháp luật về chủ thể kinh doanh.....	5
I. Khái quát về doanh nghiệp.....	5
II. Các loại hình doanh nghiệp cụ thể theo LDN 2014.....	7
III. Thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản DN .....	20
IV. Pháp luật về hợp tác xã.....	25
V. Pháp luật về hộ kinh doanh.....	26
Chương III: Pháp luật về hợp đồng .....	27
1. Khái niệm.....	27
2. Giao kết hợp đồng.....	27
3. Thực hiện hợp đồng.....	28
4. Hợp đồng vô hiệu.....	29
5. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.....	31
Chương IV: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh.....	33
I. Khái niệm tranh chấp trong hoạt động kinh doanh.....	33
II. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh.....	34
Chương V: Pháp luật về phá sản .....	40
I. Khái quát về phá sản .....	40
II. Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản.....	41

**Phần I: Tổng hợp kiến thức**

**Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về LKT**

**I. Khái niệm về luật kinh tế**

**1. Đối tượng điều chỉnh**

- Nhóm quan hệ XH phát sinh trong hoạt động mang tính tổ chức của cơ quan NN có thẩm quyền liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh.
- Nhóm QHXXH phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh nhằm tìm kiếm lợi nhuận.

**2. Phương pháp điều chỉnh**

- Phương pháp mệnh lệnh, quyền uy
- Phương pháp bình đẳng, thỏa thuận

**3. Định nghĩa**

- Một số khái niệm: LKT, LTM & LKD
- Nội dung:

+ Pháp luật về hoạt động kinh doanh của các chủ thể

+ Pháp luật về quản lý NN đối với hoạt động kinh doanh

→ *Định nghĩa:* Luật kinh tế là tổng thể các QPPL do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các QHXXH phát sinh trong quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận giữa các chủ thể kinh doanh với nhau và với các cơ quan NN có thẩm quyền.

**4. Nguồn của luật kinh tế**

- Hiến pháp
- Điều ước quốc tế
- VBQPPL: VB luật và VB dưới luật
- Tập quán thương mại
- Điều lệ của thương nhân

**II. Chủ thể của luật kinh tế**

**1. Khái niệm**

*\* Định nghĩa:*

Chủ thể của luật kinh tế là các cá nhân, tổ chức có khả năng tham gia vào các QHXX phát sinh trong hoạt động kinh doanh hoặc có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh.

*\* Phân loại*

- Căn cứ vào chức năng hoạt động thì chủ thể LKT gồm:

+ Cơ quan quản lý Nhà nước;

+ Chủ thể kinh doanh.

**2. Cơ quan quản lý nhà nước**

- Là những cơ quan nhà nước trực tiếp thực hiện chức năng quản lý kinh tế, gồm cơ quan quản lý có thẩm quyền chung, cơ quan quản lý có thẩm quyền riêng.

**3. Chủ thể kinh doanh**

- Chủ thể kinh doanh là các cá nhân, tổ chức tiến hành hoạt động kinh doanh nhằm tìm kiếm lợi nhuận.

- Đặc trưng:

+ Chủ thể kinh doanh gắn liền với dấu hiệu tài sản.

+ Hoạt động mang tính nghề nghiệp của chủ thể kinh doanh là thực hiện hành vi kinh doanh

+ Về hình thức, chủ thể kinh doanh có thể là cá nhân hoặc tổ chức.

*\* Phân loại:*

- Căn cứ vào hình thức sở hữu vốn:

+ Chủ thể kinh doanh thuộc thành phần nhà nước

+ Chủ thể kinh doanh thuộc thành phần kinh tế tư nhân

+ Chủ thể kinh doanh có vốn đầu tư nước ngoài

- Căn cứ vào hình thức pháp lý:

+ Doanh nghiệp

- + Hợp tác xã
- + Tổ hợp tác
- + Hộ kinh doanh

### III. Vai trò của luật kinh tế

- Là công cụ để Nhà nước quản lý kinh tế vĩ mô.
- Là cơ sở pháp lý xác định địa vị pháp lý cho các chủ thể kinh doanh.
- Điều chỉnh các hành vi kinh doanh của các chủ thể kinh doanh.
- Đảm bảo sự công bằng, bình đẳng...

## Chương II: Pháp luật về chủ thể kinh doanh

### I. Khái quát về doanh nghiệp

#### 1. Định nghĩa doanh nghiệp

*Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.*

(Khoản 7, Điều 4 LDN 2014)

#### 2. Đặc điểm của doanh nghiệp

- DN là tổ chức kinh tế có tên riêng
- DN có trụ sở xác định (Điều 43 LDN 2014)
- DN có tài sản (Điều 35, 36, 37 LDN 2014)
- DN được hình thành trên cơ sở DKDN theo QĐPL.

*\* Tên doanh nghiệp:*

- + Tên DN bằng tiếng Việt = tên loại hình DN + tên riêng (Khoản 1, Điều 38 LDN 2014)
- + Tên DN bằng tiếng nước ngoài (Khoản 1, Điều 40 LDN 2014)
- + Tên viết tắt của DN (Khoản 3, Điều 40 LDN 2014)

*\* Những điều cấm trong việc đặt tên doanh nghiệp: (Điều 39 LDN 2014)*

- + Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của DN đã đăng ký (Điều 42 LDN 2014)

+ Sử dụng tên CQNN, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

+ Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

### 3. Phân loại doanh nghiệp

*\* Căn cứ vào hình thức sở hữu vốn điều lệ:*

- DN nhà nước (Khoản 8, Điều 4 LDN 2014)
- DN thuộc các thành phần KT khác
- DN có vốn đầu tư nước ngoài

*\* Căn cứ vào quy mô của DN*

- DN quy mô siêu nhỏ
- DN quy mô nhỏ
- DN quy mô vừa
- DN quy mô lớn

*\* Căn cứ vào hình thức pháp lý*

- DN tư nhân
- Công ty hợp danh
- Công ty TNHH
- Công ty cổ phần

### 4. Một số khái niệm có liên quan đến doanh nghiệp (Điều 4 LDN 2014)

- Phần vốn góp
- Thành viên/ chủ sở hữu doanh nghiệp



- Vốn điều lệ, vốn pháp định
- Điều lệ doanh nghiệp
- Người quản lý doanh nghiệp
- Người thành lập doanh nghiệp
- Người đại diện theo pháp luật của DN

....

II. Các loại hình doanh nghiệp cụ thể theo LDN 2014

1. *Doanh nghiệp tư nhân*

a. *Khái niệm*

*"Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do 1 cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp."*

(Khoản 1, Điều 183 LDN 2014)

\* *Đặc điểm:*

- DNTN là doanh nghiệp do 1 cá nhân làm chủ
- Chủ DNTN chịu trách nhiệm vô hạn về mọi nghĩa vụ TS của DN
- DNTN không được phát hành chứng khoán
- DNTN không có tư cách pháp nhân

\* *Phân biệt TNVH và TNHH*

	<b>Trách nhiệm hữu hạn</b>	<b>Trách nhiệm vô hạn</b>
<b>Phạm vi tài sản t/hiện nghĩa vụ</b>	- TS đã góp/ cam kết góp vào DN	- TS đã góp, cam kết góp vào DN; Các TS khác thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư.
<b>Chủ thể</b>	- T/viên CTINHH, CTCP, t/viên góp vốn CTHD, xã viên HTX.	- Chủ DNTN, thành viên hợp danh, thành viên tổ hợp tác.
<b>Thời điểm chấm dứt</b>	- Khi DN chấm dứt hoạt động.	- Khi chủ đầu tư đã thanh toán được hết các khoản nợ và các

nghĩa vụ		nghĩa vụ TS khác. - Khi chủ đầu tư chết.
----------	--	---

*\* Pháp nhân*

Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật
- Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này;
- Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

**(Điều 84 BLDS 2005)**

*b. Vấn đề vốn của DNTN (Điều 184 LDN 2014)*

- Vốn của DNTN do chủ doanh nghiệp đầu tư;
- Chủ DNTN có thể tăng và giảm vốn đầu tư trong quá trình hoạt động của DN.
- Toàn bộ vốn và tài sản (kể cả vốn vay và tài sản thuê) được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của DN đều phải được ghi chép đầy đủ vào sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của DN.

*c. Tổ chức và quản lý của doanh nghiệp tư nhân*

- Chủ DNTN là đại diện theo pháp luật của DN.
- Chủ DNTN có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động doanh nghiệp; có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.
- Chủ DNTN là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan trước các CQ giải quyết tranh chấp liên quan đến DN.
- Chủ DNTN có quyền cho thuê DNTN (Điều 186 LDN 2014)
- Chủ DNTN có quyền bán DNTN (Điều 187 LDN 2014)

\* Tổ chức: CSH → Giám đốc → Phòng ban chức năng

**2. Công ty hợp danh**

*a. Khái niệm*

*\* Định nghĩa:*

**(Khoản 1, Điều 172 LDN 2014)**

**\* Đặc điểm (Điều 172 LDN 2014)**

- Công ty hợp danh có ít nhất 2 thành viên hợp danh.
- Công ty hợp danh có thể có thành viên góp vốn (cá nhân hoặc tổ chức).
- Công ty hợp danh không được phát hành chứng khoán.
- Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân.

**b. Vấn đề vốn của công ty hợp danh**

**\* Thực hiện góp vốn (Khoản 1,2,3 Điều 173 LDN 2014)**

**\* Tài sản của công ty hợp danh (Điều 174 LDN 2014)**

**\* Chuyển nhượng vốn đối với thành viên hợp danh**

- Chuyển nhượng 1 phần hoặc toàn bộ phần vốn góp cho người khác → phải được sự đồng ý của các thành viên hợp danh khác (Khoản 3, Điều 175 LDN 2014)
- Rút vốn khỏi công ty → phải được Hội đồng thành viên chấp thuận (Khoản 2, Điều 180 LDN 2014)

**\* Chuyển nhượng vốn đối với thành viên góp vốn:**

- Thành viên góp vốn có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác (Điểm d, Khoản 1, Điều 182 LDN 2014)

**c. Tổ chức và quản lý CTHD**

**\* Hội đồng thành viên, Chủ tịch HĐQT (Điều 177 LDN 2014)**

- HĐQT bao gồm tất cả các thành viên trong công ty, là cơ quan quản lý cao nhất của CTHD, có quyền quyết định tất cả công việc kinh doanh của công ty.
- Chủ tịch HĐQT là 1 thành viên hợp danh do HĐQT bầu.

**\* Giám đốc (TGD)**

- Điều hành công việc hàng ngày của công ty
- Là Chủ tịch HĐQT nếu Điều lệ c/ty không có q/định khác.

\* Cuộc họp Hội đồng thành viên

- Triệu tập cuộc họp HĐQT: (Điều 178 LDN 2014)

+ Chủ tịch HĐQT

+ Yêu cầu của thành viên hợp danh

- Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT:

+ Thành viên hợp danh (Điểm a, Khoản 1, Điều 176 LDN 2014)

+ Thành viên góp vốn (Điểm a, Khoản 1, Điều 182 LDN 2014)

- Thống qua quyết định HĐQT: ít nhất 3/4 hoặc 2/3 tổng số thành viên hợp danh chấp thuận (Khoản 3,4 Điều 177 LDN 2014)

\* Điều hành hoạt động kinh doanh của CTHD (Điều 179 LDN2014)

- Thành viên hợp danh có quyền đại diện theo PL và tổ chức điều hành hoạt động KD hàng ngày của CT;
- Các thành viên hợp danh phân công đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty;
- Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc (TGD) là người đại diện cho công ty trong q/hệ với CQNN, trong quan hệ tổ tụng.

d. Thành viên công ty hợp danh

- Quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn công ty hợp danh (Điều 182 LDN 2014)
- Quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp danh công ty hợp danh (Điều 176 LDN 2014)
- Hạn chế đối với quyền của thành viên hợp danh (Điều 175 LDN 2014)

\* Phân biệt:

Tiêu chí	TV HỢP DANH	THÀNH VIÊN GÓP VỐN
Đối tượng	- Là cá nhân (2)	- Cá nhân, t/chức
Chế độ trách nhiệm với NVTS	- TNVH	- TNHH
Quyền đại diện theo PL và điều	- Có	- Không

hành hoạt động KD của công ty		
Quyền y/cầu triệu tập họp HĐQT	- Có	- Không
Quyền tham gia thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp HĐQT	- Có	- Được t/gia trong 1 số vấn đề
Chuyển nhượng phần vốn góp	- Hạn chế (khi các TVHD khác đồng ý)	- Tự do
Quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác th/hiện KD cùng ngành, nghề KD của CTHD	- Không	- Có
Quyền thành lập DNNTN hay tham gia CTHD khác với tư cách TVHD	- Hạn chế	- Có

\* *Chấm dứt tư cách TV hợp danh:* (Khoản 1, Điều 180 LDN 2014)

\* *Tiếp nhận thành viên mới:* (Điều 181 LDN 2014)

**3. Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên**

*a. Khái niệm*

\* *Định nghĩa:*

*Công ty TNHH 1 thành viên là doanh nghiệp do 1 tổ chức hoặc 1 cá nhân làm chủ sở hữu; chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.*

(Khoản 1, Điều 73 LDN 2014)

\* *Đặc điểm:*

- Do 1 chủ đầu tư (cá nhân hoặc tổ chức) bỏ vốn thành lập và tổ chức quản lý.
- CSH chịu trách nhiệm về tài sản trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (đã góp hoặc cam kết góp).
- Có tư cách pháp nhân
- Không được phát hành cổ phần

b. *Vấn đề vốn của công ty TNHH 1 thành viên*

- Thực hiện góp vốn thành lập công ty (**Điều 74 LDN 2014**)
- Thay đổi vốn điều lệ (**Điều 87 LDN 2014**)

+ Giám vốn điều lệ

+ Tăng vốn điều lệ

- Một số trường hợp đặc biệt (**Điều 77.LDN 2014**)

c. *Tổ chức và quản lý công ty TNHH 1 thành viên*

- **CT TNHH 1 thành viên là tổ chức:**

\* *Hội đồng thành viên (Điều 79 LDN 2014)*

- Thành phần: CSH bổ nhiệm 3 đến 7 t/viên HĐQT - nhiệm kỳ không quá 5 năm
- Thẩm quyền: nhân danh CSHCT tổ chức thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao từ CSHCT.
- Chủ tịch HĐQT: do CSH bổ nhiệm hoặc do các t/viên HĐQT bầu theo nguyên tắc quá bán.
- Hình thức thông qua Nghị quyết: Hội hoặc lấy ý kiến bằng văn bản
- **Hợp Hội đồng thành viên**

+ Thẩm quyền triệu tập họp: Chủ tịch HĐQT; theo yêu cầu của TV

+ Điều kiện tiến hành họp: ít nhất 2/3 số t/viên dự họp

+ Biểu quyết: 1 t/viên 1 phiếu trừ t/hợp DL q/định khác

+ Thông qua NQ: hơn 1/2 hoặc ít nhất 3/4 số t/viên dự họp tán thành

\* *Chủ tịch công ty (Điều 80 LDN 2014)*

- Do CSH bổ nhiệm
- Thẩm quyền: nhân danh CSHCT tổ chức t/hiện các quyền và nhiệm vụ được giao từ CSHCT
- Quyền, nghĩa vụ: Theo Điều lệ và **Điều 83 LDN 2014**
- Quyết định của Chủ tịch công ty: có giá trị pháp lý khi được sự phê chuẩn của CSH công ty (trừ TH điều lệ công ty có quy định khác).

\* *Giám đốc (TGD) (Điều 81 LDN 2014)*

- Do HĐQT (Chủ tịch công ty) bổ nhiệm hoặc thuê, có thể kiêm Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tịch c/ty
- Thẩm quyền: điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.
- Nhiệm kỳ: không quá 5 năm
- Quyền và nghĩa vụ: **Khoản 2, Điều 81 LDN 2014 và Điều 83 LDN 2014**
- Tiêu chuẩn, điều kiện: **Khoản 3, Điều 81 LDN 2014**

**\* Kiểm soát viên (Điều 82 LDN 2014)**

- Do CSH công ty bổ nhiệm
- Số lượng: Do CSH công ty quyết định
- Nhiệm kỳ: Ko quá 5 năm
- Quyền và nghĩa vụ: **Khoản 2, Điều 82 LDN 2014 và Điều 83 LDN 2014**
- Tiêu chuẩn và điều kiện: **Khoản 3, Điều 83 LDN 2014**
- **Công ty TNHH 1 thành viên là cá nhân:**

Chủ tịch CT(CSH) → Giám đốc(TGD) → Phòng ban chức năng

**\* Đại diện theo PL**

Nguyên tắc: do Điều lệ quy định, nhưng chỉ có thể là 1 trong số các chức danh sau:

Công ty TNHH 1 thành viên là tổ chức	Công ty TNHH 1 thành viên là cá nhân
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủ tịch HĐQT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủ tịch công ty</li> <li>• Giám đốc (TGD)</li> </ul>
Ưu tiên Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch công ty làm đại diện theo PL nếu Điều lệ ko quy định	

**\* Kiểm soát các giao dịch, HD**

Đối với công ty TNHH 1TV là tổ chức:

- Các giao dịch, HD bị kiểm soát
- Chấp thuận các giao dịch, HD bị kiểm soát
- Các giao dịch, HD bị vô hiệu

Đối với công ty TNHH ITV là cá nhân:

**(Điều 86 LDN 2014)**

#### **4. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên**

##### **a. Khái niệm**

###### **\* Định nghĩa**

Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 2 thành viên trở lên là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân với số thành viên từ 2 đến 50 và các thành viên này chỉ phải chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ của công ty trong phạm vi phần vốn cam kết góp.

###### **\* Đặc điểm**

- Là DN có tư cách pháp nhân;
- Thành viên của CT có thể là cá nhân hoặc tổ chức, giới hạn từ 2 đến 50 và các thành viên chỉ phải chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của CT trong phần vốn cam kết góp;
- Công ty TNHH không được phát hành cổ phần;
- Việc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên công ty phải được thực hiện theo QĐPL.

##### **b. Vấn đề vốn của công ty TNHH 2 thành viên trở lên**

- Thực hiện góp vốn (**Điều 48 LDN 2014**)
- Mua lại phần vốn góp (**Điều 52 LDN 2014**)
- Chuyển nhượng phần vốn góp (**Điều 53 LDN 2014**)
- Xử lý phần vốn góp trong các TH (**Điều 54 LDN 2014**)
- Thay đổi vốn điều lệ (**Điều 68 LDN 2014**)

##### **c. Tổ chức và quản lý của công ty TNHH 2 thành viên trở lên**

###### **\* Hội đồng thành viên:**

- Gồm tất cả các thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của CT
- Quyền, nghĩa vụ: **Khoản 2, Điều 56 LDN 2014; Điều 71 LDN 2014**
- Hình thức thông qua Nghị quyết: Hợp; Lấy ý kiến bằng VB; hình thức khác



- Cuộc họp HĐQT
- + Triệu tập cuộc họp HĐQT (**Điều 58 LDN 2014**)
- + Điều kiện tiến hành họp (**Điều 59 LDN 2014**)
- + Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (**Khoản 4, Điều 60 LDN 2014**)
- + Thông qua Nghị quyết (**Khoản 3, Điều 60 LDN 2014**)
- Thông qua NQ dưới hình thức lấy ý kiến bằng VB (**Điều 62, Khoản 5, 60 LDN 2014**)
- Hiệu lực của Nghị quyết (**Điều 63 LDN 2014**)
- \* *Chủ tịch hội đồng thành viên* (**Điều 57 LDN 2014**)
- Là 1 thành viên trong công ty, do HĐQT bầu ra, có thể kiêm Giám đốc (TGD)
- Nhiệm kỳ: Không quá 5 năm, có thể bầu lại ko hạn chế
- Quyền, nghĩa vụ: **Khoản 2, Điều 57 LDN 2014; Điều 71 LDN 2014**
- Trường hợp vắng mặt Chủ tịch HĐQT: **Khoản 4, Điều 57 LDN 2014**
- \* *Giám đốc (TGD)* (**Điều 64 LDN 2014**)
- Là người do HĐQT bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê để điều hành HĐKD hàng ngày của c/ty.
- Quyền, nghĩa vụ: **Khoản 2, Điều 64 LDN 2014, Điều 7 LDN 2014**
- Tiêu chuẩn và điều kiện: **Điều 65 LDN 2014**
- \* *Ban kiểm soát*
- Bắt buộc phải có đối với công ty TNHH có từ 11 thành viên trở lên.
- Giúp HĐQT kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành HĐKD của công ty.
- Quyền, nghĩa vụ, tiêu chuẩn, điều kiện và chế độ làm việc của BKS, Trưởng BKS do Điều lệ c/ty quy định.
- \* *Người đại diện theo pháp luật* (**Điều 13 LDN 2014**)
- Có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật.
- Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

\* *Kiểm soát các giao dịch, HD*

- Yêu cầu: phải được HĐQT chấp thuận
- Các giao dịch, HD bị kiểm soát
- Trình tự, thủ tục thông qua
- Quyết định thông qua: 65% tổng số vốn có quyền biểu quyết (không bao gồm thành viên có liên quan)
- HD, giao dịch bị vô hiệu.

**(Điều 67 LDN 2014)**

*d. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của thành viên*

### **5. Công ty cổ phần**

*a. Khái niệm*

\* *Định nghĩa*

- Công ty cổ phần là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau (gọi là cổ phần) và có từ 3 thành viên trở lên (gọi là cổ đông), các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp.

**(Điều 110 LDN 2014)**

\* *Đặc điểm*

- Thành viên có thể là tổ chức hoặc cá nhân, số lượng tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa.
- Thành viên chỉ chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp.
- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau; CD có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần, trừ 1 số trường hợp.
- Là DN có tư cách pháp nhân
- Công ty được quyền phát hành chứng khoán các loại

\* *Các loại công ty cổ phần*

- *Cty cổ phần nội bộ (Private Company)*: Chỉ phát hành cổ phiếu trong phạm vi các sáng lập viên, cán bộ, nhân viên Cty và những đơn vị trực thuộc hoặc các Cty cùng trong tập đoàn. Đây là loại cổ phiếu ký danh không được chuyển nhượng hoặc chỉ được chuyển nhượng theo những điều kiện nhất định.
- *Cty cổ phần đại chúng (Public Company)*: Phát hành cổ phiếu rộng rãi ra công chúng
- *Cty cổ phần niêm yết (Listed Company)*: Có cổ phiếu niêm yết trên Sở

giao dịch chứng khoán

b. *Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông, cổ tức*

\* *Cổ phần*

- *Cổ phần* là phần chia nhỏ nhất vốn điều lệ của công ty cổ phần. Cổ phần có 2 loại:
- *Cổ phần phổ thông* (bắt buộc phải có)
- *Cổ phần ưu đãi* (có thể có)

+ *Cổ phần ưu đãi biểu quyết (Khoản 3, Điều 113 LDN 2014; Điều 116 LDN 2014)*

+ *Cổ phần ưu đãi cổ tức (Khoản 4, Điều 113 LDN 2014; Điều 117 LDN 2014)*

+ *Cổ phần ưu đãi hoàn lại (Khoản 4, Điều 113 LDN 2014; Điều 118 LDN 2014)*

+ *Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định*

\* *Cổ phiếu (Điều 120 LDN 2014)*

- *Cổ phiếu* là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.

→ Là hình thức thể hiện thực tế của cổ phần

\* *Cổ đông*

- *Cổ đông* là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty cổ phần (**Khoản 2, Điều 4 LDN 2014**)
- *Cổ đông phổ thông (Điều 114, 115 LDN 2014)*
- *Cổ đông ưu đãi*

+ *Cổ đông ưu đãi biểu quyết (Điều 116 LDN 2014)*

+ Cổ đông ưu đãi cổ tức (Điều 117 LDN 2014)

+ Cổ đông ưu đãi hoàn lại (Điều 118 LDN 2014)

*\* Cổ tức*

- Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính. (Khoản 3, Điều 4 LDN 2014)
- Trả cổ tức (Điều 132 LDN 2014)

*c. Vấn đề vốn của công ty cổ phần*

- Vốn công ty cổ phần (Điều 111 LDN 2014)
- Thanh toán CP đã đăng ký mua sau khi DKDN (Điều 112 LDN 2014)
- Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập (Điều 119 LDN 2014)
- Chào bán cổ phần (Điều 122, 123, 124, 125 LDN 2014)
- Chuyển nhượng cổ phần (Điều 126 LDN 2014)
- Phát hành trái phiếu (Điều 127 LDN 2014)
- Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông (Điều 129 LDN 2014)
- Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty (Điều 130 LDN 2014)
- Thay đổi vốn của công ty cổ phần (Khoản 5, Điều 111 LDN 2014)

*d. Tổ chức và quản lý công ty cổ phần*

*\* Đại hội đồng cổ đông*

- ĐHĐCD gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của CTCP.
- Quyền và nghĩa vụ: Khoản 2, Điều 135 LDN 2014
- ĐHĐCD là cơ quan tập thể, làm việc theo định kỳ thường niên hoặc bất thường theo quyết định triệu tập của HĐQT.

(Khoản 3 Điều 136 LDN 2014)

(Điều 141 LDN 2014)

(Điều 144 LDN 2014)

*\* Hội đồng quản trị*

- HĐQT là cơ quan quản lý CT, có toàn quyền nhân danh CT để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của CT không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
- HĐQT có từ 3-11 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm.
- Thành viên HĐQT không bắt buộc phải là cổ đông của công ty
- Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT (**Điều 151 LDN 2014**)
- Cuộc họp của HĐQT (**Điều 153 LDN 2014**)

*\* Giám đốc (TGD)*

- Do HĐQT bổ nhiệm một thành viên của HĐ hoặc thuê; Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật.
- Nhiệm kỳ không quá 5 năm, có thể được bổ nhiệm lại;
- Tiêu chuẩn và điều kiện (**Điều 65 LDN 2014**)
- Quyền, nghĩa vụ (**Khoản 3, Điều 157 LDN 2014, Điều 160 LDN 2014**)

*\* Ban kiểm soát*

- CTCP có từ 11 cổ đông trở lên hoặc 1 cổ đông là tổ chức sở hữu từ 50% số cổ phần trở lên à phải có BKS
- BKS có từ 3 đến 5 t/viên; nhiệm kỳ của KSV không quá 5 năm; được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Các KSV bầu 1 người trong số họ làm Trưởng BKS. BKS phải có hơn 1/2 số t/viên thường trú ở VN. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty
- Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV (**Điều 164 LDN 2014**)
- Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm (**Điều 165, Điều 168 LDN 2014**)
- Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên (**Điều 169 LDN 2014**)

*\* Người đại diện theo pháp luật*

(**Điều 13, Khoản 2, Điều 134 LDN 2014**)

- Có thể có một hoặc nhiều người DD theo PL.

- Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo PL.
- Trường hợp chỉ có một người ĐD theo PL, thì Chủ tịch HĐQT hoặc GD (TGD) là ĐD theo PL của công ty; trường hợp Điều lệ không có quy định khác thì Chủ tịch HĐQT là người ĐD theo PL của công ty.
- Trường hợp có hơn một người ĐD theo PL, thì Chủ tịch HĐQT và GD (TGD) đương nhiên là ĐD theo PL của công ty.

\* Kiểm soát các giao dịch. HD (Điều 162 LDN 2014)

e. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

III. Thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản DN

#### 1. Thành lập, đăng ký doanh nghiệp

a. Điều kiện thành lập DN

- Ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh: kinh doanh những ngành nghề mà PL không cấm, ngoài ra có những ngành nghề mà PL q/định phải có giấy phép, chứng chỉ hành nghề, vốn pháp định.
- Điều kiện về tư cách chủ đầu tư: Điều 18 LDN 2014

\* Một số ngành nghề kinh doanh cần giấy phép con khi hoạt động

- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn
- Kinh doanh thuốc thú y
- Bán hàng đa cấp...

\* Một số ngành nghề kinh doanh cần chứng chỉ hành nghề

- Kinh doanh dịch vụ pháp lý
- Kinh doanh dịch vụ khám, chữa bệnh và kinh doanh dược phẩm
- Kinh doanh dịch vụ thú y và kinh doanh thuốc thú y
- Kinh doanh dịch vụ kiểm toán

- Kinh doanh dịch vụ xông hơi khử trùng.
- Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
- Dịch vụ môi giới bất động sản;
- Dịch vụ định giá bất động sản;
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản...

*\* Vốn pháp định*

**Vốn pháp định** là mức vốn tối thiểu phải có để có thể thành lập một DN. Vốn pháp định do Cơ quan có thẩm quyền ấn định, mà nó được xem là có thể thực hiện được dự án khi thành lập DN.

- Ngân hàng: 3000 tỷ đồng
- Công ty tài chính: 500 tỷ đồng
- Công ty cho thuê tài chính: 150 tỷ đồng
- Kinh doanh bất động sản: 6 tỷ
- Kinh doanh vận chuyển hàng không (nội địa, quốc tế → khai thác 1 hay nhiều tàu bay: 200 tỷ đến 1000 tỷ).

*\* Tổ chức, cá nhân không được quyền thành lập và quản lý DN tại VN*

*b. Trình tự thành lập DN*

- Bước 1: Lập hồ sơ đăng ký DN (**Điều 20, 21, 22, 23 LDN 2014**)
- Bước 2: Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký DN (**Khoản 2, Điều 27 LDN 2014**)
- Bước 3: Cấp giấy chứng nhận ĐKDN (**Điều 28, 29 LDN 2014**)
- Bước 4: Công bố nội dung đăng ký DN (**Điều 33 LDN 2014**)

*\* Bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp gồm:*

- Giấy đề nghị đăng ký DN (**Điều 24 LDN 2014**)
- Điều lệ công ty (**Điều 25 LDN 2014**)

- Danh sách thành viên, cổ đông (Điều 26 LDN 2014)
- Bản sao các giấy tờ chứng thực cá nhân
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài.

\* Điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐKDN (Điều 28 Luật DN 2014)

## 2. Tổ chức lại doanh nghiệp

### a. Chia doanh nghiệp (Điều 192 LDN 2014)

Chia doanh nghiệp là việc chia toàn bộ các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của DN hiện có (gọi là DN bị chia), trên cơ sở đó chấm dứt sự tồn tại của DN này, đồng thời h/thành nên một số DN mới.

Loại hình DN áp dụng	- Công ty TNHH - Công ty CP
CQ ra q/định	- Hội đồng thành viên - Đại hội đồng cổ đông
Hậu quả	- CT bị chia chấm dứt sự tồn tại - Các CT mới (cùng loại) liên đới chịu trách nhiệm các khoản nợ, nghĩa vụ TS, HDLD...

### b. Tách doanh nghiệp (Điều 193 LDN 2014)

Tách doanh nghiệp là việc chuyển một phần tài sản, một phần quyền và nghĩa vụ của DN hiện có (gọi là DN bị tách) để thành lập một hoặc một số DN mới (gọi là DN tách) mà không làm chấm dứt sự tồn tại của DN bị tách.

Loại hình DN áp dụng	- Công ty TNHH - Công ty CP
CQ ra q/định	- Hội đồng thành viên - Đại hội đồng cổ đông
Hậu quả	- CT bị tách không chấm dứt sự tồn tại - CT bị tách và CT tách (cùng loại) liên đới chịu trách nhiệm các khoản nợ, nghĩa vụ TS, HDLD...



**c. Hợp nhất doanh nghiệp (Điều 194 LDN 2014)**

Hai hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (sau đây gọi là công ty hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất

Loại hình DN áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty TNHH</li> <li>- Công ty CP</li> <li>- Công ty hợp danh</li> </ul>
CQ ra q/định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng thành viên (CTHD, Công ty TNHH)</li> <li>- Đại hội đồng cổ đông</li> </ul>
Hậu quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các công ty bị hợp nhất chấm dứt sự tồn tại</li> <li>- CT hợp nhất hưởng các quyền, chịu trách nhiệm các khoản nợ, nghĩa vụ TS, HSDL...</li> </ul>

**d. Sáp nhập doanh nghiệp (Điều 195 LDN 2014)**

Một hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập.

Loại hình DN áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty TNHH</li> <li>- Công ty CP</li> <li>- Công ty hợp danh</li> </ul>
CQ ra q/định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng thành viên (CTHD, Công ty TNHH)</li> <li>- Đại hội đồng cổ đông</li> </ul>
Hậu quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các công ty bị sáp nhập chấm dứt sự tồn tại</li> <li>- CT nhận sáp nhập hưởng các quyền, chịu trách nhiệm các khoản nợ, nghĩa vụ TS,</li> </ul>

	HĐLĐ...
--	---------

e. Chuyển đổi doanh nghiệp

Loại hình DN áp dụng	- Công ty TNHH - Công ty CP - Công ty hợp danh
CQ ra q/định	- Hội đồng thành viên (CTHD, Công ty TNHH) - Đại hội đồng cổ đông - Chủ DNTN
Hậu quả	- DN chuyển đổi không chấm dứt tồn tại - DN chuyển đổi vẫn hưởng các quyền, chịu trách nhiệm các khoản nợ, nghĩa vụ TS, HĐLĐ...

3. Giải thể doanh nghiệp

a. Định nghĩa

Giải thể doanh nghiệp là việc làm chấm dứt sự tồn tại của một doanh nghiệp khi xuất hiện các điều kiện luật định mà không phải thực hiện thông qua 1 thủ tục tư pháp.

b. Các TH và điều kiện giải thể DN

\* Các trường hợp giải thể (Điều 201 LDN 2014)

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ mà ko có quyết định gia hạn;
- Tự giải thể;
- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật DN trong thời hạn 06 tháng liên tục;
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD.

→ DN chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

**c. Thủ tục giải thể DN**

- Bước 1: Thông qua quyết định giải thể DN
- Bước 2: Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của DN.
- Bước 3: Gửi quyết định giải thể đến cơ quan, người có liên quan.
- Bước 4: Xóa tên doanh nghiệp trong Sổ đăng ký kinh doanh.

*\* Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể*

Cấm DN, người quản lý DN thực hiện các hoạt động:

- Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của DN;
- Ký kết HĐ mới không phải là HĐ nhằm t/hiện giải thể DN;
- Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

**4. Pháp sản doanh nghiệp**

(Tìm hiểu tại “Chương 5 - Pháp luật về phá sản”)

**IV. Pháp luật về hợp tác xã**

**1. Khái niệm**

**a. Định nghĩa:**

**(Khoản 1, Điều 3 Luật Hợp tác xã 2013)**

*\* Đặc điểm:*

- Là một tổ chức kinh tế mà ở đó mục đích tương trợ được thể hiện rõ nét.
- Phải có tối thiểu 7 thành viên.

- Các xã viên cùng góp tài sản, công sức, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

**2. Vốn**

**3. Cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ**

(Điều 29 đến 41 Luật Hợp tác xã 2013)

**4. Quyền và nghĩa vụ của xã viên**

(Điều 13,14,15 Luật Hợp tác xã 2013)

**5. Thành lập, phá sản**

- Thành lập hợp tác xã.
- Phá sản hợp tác xã.

**V. Pháp luật về hộ kinh doanh**

**1. Khái niệm**

(Khoản 1 Điều 49 Nghị định 43/2010/NĐ-CP)

**2. Các hình thức của hộ kinh doanh**

- Cá nhân kinh doanh
- Hộ gia đình
- Nhóm kinh doanh

**3. Thủ tục đăng ký kinh doanh**

(Điều 52 Nghị định 43/2010/NĐ-CP)

**Chương III: Pháp luật về hợp đồng**

**1. Khái niệm**

*a. Định nghĩa*

- Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự. (**Điều 385 BLDS 2015**)

*b. Đặc điểm*

- Về chủ thể, hợp đồng được xác lập giữa các cá nhân và pháp nhân
- Về nội dung, hợp đồng là sự thỏa thuận về các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể
- Về mục đích, các bên tham gia hợp đồng nhằm thỏa mãn những lợi ích nhất định về vật chất, tinh thần.
- Về hình thức, hợp đồng được thể hiện dưới hình thức lời nói, văn bản hoặc hành vi cụ thể

*c. Nội dung của hợp đồng*

- Nội dung của hợp đồng có thể chia thành ba loại điều khoản với những ý nghĩa khác nhau: Điều khoản chủ yếu, điều khoản thường lệ, điều khoản tùy nghi.
- Điều khoản chủ yếu: Các điều khoản chủ yếu nêu lên những quyền và nghĩa vụ chủ yếu của các bên, làm cơ sở cho việc thực hiện mà nếu thiếu nó thì quan hệ hợp đồng chưa được coi là được xác lập.
- Điều khoản thường lệ: Là điều khoản được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Dù các điều khoản này không được ghi vào hợp đồng nhưng các bên mặc nhiên thừa nhận và phải thực hiện đúng như pháp luật quy định.
- Điều khoản tùy nghi: Là những điều khoản được đưa vào hợp đồng theo sự thỏa thuận của các bên, căn cứ vào khả năng, nhu cầu của các bên để xác định thêm một số điều khoản khác.

→ Xây dựng những nội dung cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa

**2. Giao kết hợp đồng**

*a. Phương thức giao kết hợp đồng*

*\* Phương thức giao kết trực tiếp*

- Bàn bạc, thảo luận nội dung của hợp đồng.

- Các bên cùng ký kết vào bản hợp đồng.

\* *Phương thức giao kết gián tiếp*

- *Bước 1: Đề nghị giao kết hợp đồng*

+ Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định cụ thể.

+ Về bản chất, đây là một hành vi pháp lý đơn phương của một chủ thể bày tỏ ý định giao kết hợp đồng với chủ thể khác theo các điều kiện xác định.

→ Điều kiện của đề nghị giao kết hợp đồng

+ Đề nghị phải hướng tới một hoặc một số người xác định cụ thể

+ Đề nghị phải thể hiện rõ các nội dung cơ bản của hợp đồng, để đảm bảo rằng khi bên được đề nghị trả lời chấp nhận đề nghị thì hợp đồng được giao kết với nội dung được xác định trong đề nghị.

- *Bước 2: Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng*

+ Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời của bên được đề nghị đối với bên đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung của đề nghị.

→ *Thời điểm giao kết hợp đồng*

- Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được trả lời chấp nhận giao kết.

- Khi hết thời hạn trả lời mà bên nhận được đề nghị vẫn *im lặng*, nếu có thoả thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết.

- Nếu hợp đồng bằng lời nói là thời điểm các bên đã thoả thuận về nội dung của hợp đồng.

- Nếu hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản.

3. Thực hiện hợp đồng

a. *Các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng*

- Chủ thể tham gia hợp đồng phải năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp (có thẩm quyền giao kết hợp đồng)
  - ✓ Cá nhân kinh doanh
  - ✓ Pháp nhân: Người đại diện theo pháp luật
  - ✓ Đại diện theo ủy quyền
- + Phải được lập thành văn bản, có công chứng trong một số trường hợp nhất định
- + Thẩm quyền của người được ủy quyền được xác định rõ trong văn bản hoặc hợp đồng ủy quyền
- Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội
- Chủ thể tham gia hợp đồng phải hoàn toàn tự nguyện.
- Hình thức của hợp đồng phải phù hợp với các quy định của pháp luật.

**(Điều 117 BLDS 2015)**

*b. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng*

**(Điều 292 BLDS 2015)**

4. Hợp đồng vô hiệu

*a. Khái niệm*

- Hợp đồng vô hiệu là hợp đồng không tuân thủ đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, bao gồm:

+ Người tham gia HD không có NLHV;

+ Mục đích và nội dung của hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội;

+ Người tham gia HD bị lừa dối, đe dọa hoặc ép buộc.

+ Hình thức HD không tuân thủ quy định của PL.

**(Điều 117, 122 BLDS 2015)**

→ Các loại hợp đồng vô hiệu:

*\* Hợp đồng vô hiệu toàn bộ*

- Khi nội dung hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội
- Khi nội dung giao dịch giả tạo, nhằm che đậy hợp đồng khác
- Khi hợp đồng do người không có năng lực hành vi, có năng lực hành vi hạn chế hoặc không đầy đủ
- Khi bên tham gia hợp đồng bị lừa dối, đe dọa
- Khi hợp đồng được ký kết do nhầm lẫn
- Khi hợp đồng không tuân thủ về hình thức

(Từ Điều 123 – 129 BLDS 2015)

*\* Hợp đồng vô hiệu từng phần*

- Khi một bộ phận của hợp đồng bị vô hiệu nhưng không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại của hợp đồng

(Điều 130 BLDS 2015)

*b. Cách xử lý hợp đồng vô hiệu*

*\* Đối với hợp đồng vô hiệu toàn bộ*

- Nếu hợp đồng chưa thực hiện: Các bên không được phép thực hiện.
- Nếu hợp đồng đã thực hiện:
  - + Các bên phải trả cho nhau những gì đã nhận. Nếu không trả được vật thì trả bằng tiền.
  - + Những tài sản và thu nhập bất hợp pháp thì tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.
  - + Bên nào cố ý làm cho hợp đồng vô hiệu thì bị xử lý theo pháp luật.

*\* Đối với hợp đồng vô hiệu từng phần*

- Các bên cùng nhau sửa chữa phần vô hiệu. Nếu như đã thực hiện phần vô hiệu do thị nguyên tắc xử lý giống như hợp đồng vô hiệu toàn bộ.



5. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

a. *Khái niệm*

- Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng là trách nhiệm của một bên vi phạm hợp đồng phải gánh chịu hậu quả bất lợi về vật chất do các bên thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

\* *Căn cứ làm phát sinh trách nhiệm:*

- Có hành vi vi phạm hợp đồng
- Có thiệt hại thực tế xảy ra
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi với thiệt hại của hành vi đó
- Bên thực hiện hành vi vi phạm có lỗi: lỗi suy đoán

**(Điều 303 LTM 2005)**

\* *Các trường hợp được miễn trách nhiệm:*

**(Điều 294 LTM 2005)**

b. *Các loại chế tài hợp đồng*

\* *Phạt vi phạm hợp đồng*

Là loại trách nhiệm mà bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu các bên có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm.

Các bên được thỏa thuận mức phạt nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

**(Điều 418 BLDS 2015)**

**(Điều 300, 301 LTM 2005)**

\* *Bồi thường thiệt hại*

- Là loại trách nhiệm mà bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm.

- Giá trị bồi thường thiệt hại gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu mà bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

(Điều 302 - 305 LTM 2005)

mentortee

#### **Chương IV: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh**

##### **I. Khái niệm tranh chấp trong hoạt động kinh doanh**

###### **a. Định nghĩa**

- Tranh chấp trong hoạt động kinh doanh là những mâu thuẫn, xung đột hay bất đồng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh.

###### **b. Đặc điểm**

- Tranh chấp trước hết là những mâu thuẫn (bất đồng) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong mối quan hệ cụ thể.
- Những mâu thuẫn (bất đồng) đó phải phát sinh từ hoạt động thương mại.
- Những mâu thuẫn (bất đồng) đó phát sinh chủ yếu giữa các chủ thể kinh doanh.

###### **c. Phân loại**

- Căn cứ vào hình thức của tranh chấp
  - + Tranh chấp giữa các chủ thể kinh doanh với nhau
  - + Tranh chấp giữa chủ thể kinh doanh với cá nhân, tổ chức không tiến hành hoạt động thương mại
- Căn cứ vào nội dung của tranh chấp
  - + Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận
  - + Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.
  - + Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty.

###### **d. Hậu quả**

- Ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh bình thường của các bên
- Quyền và nghĩa vụ của các bên không được bảo đảm

- Các bên bị tổn kém nhiều về thời gian và tiền bạc.
- Mỗi quan hệ kinh doanh, mức độ tín nhiệm và lòng tin của các bên bị tổn thương.

## II. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh

*\*Yêu cầu của việc giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh*

- Nhanh chóng, thuận lợi, không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của các bên
- Giữ được uy tín, bí mật kinh doanh của các bên; có thể duy trì, khôi phục các quan hệ làm ăn lâu dài
- Chi phí thấp
- Phán quyết có tính khả thi cao

Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, đó là:

Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài thương mại, Tòa án

(Điều 317 LTM 2005)

### 1. *Thương lượng*

#### a. *Khái niệm*

- Thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, tự dàn xếp, tháo gỡ những bất đồng phát sinh để loại bỏ tranh chấp mà không cần có sự trợ giúp hay phán quyết của bất kỳ bên thứ ba nào.

#### b. *Đặc điểm*

- Thương lượng được thực hiện bởi cơ chế tự giải quyết
- Quá trình thương lượng giữa các bên không chịu sự ràng buộc của bất kỳ nguyên tắc pháp lý hay những quy định mang tính chất khuôn mẫu nào của pháp luật về thủ tục giải quyết.
- Việc thực thi kết quả thương lượng hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện của mỗi bên tranh chấp mà không có bất kỳ cơ chế pháp lý nào bảo đảm việc thực thi.

#### c. *Các cách tiến hành thương lượng*

- Thương lượng trực tiếp
- Thương lượng gián tiếp

*d. Ưu điểm và hạn chế*

- Ưu điểm:

+ Sự thuận tiện, đơn giản, nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả và ít tốn kém.

+ Bảo vệ được uy tín cho các bên tranh chấp cũng như bí mật trong kinh doanh của họ.

+ Không chỉ ra ai đúng ai sai

- Hạn chế:

+ Quá trình thương lượng có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào sự hiểu biết và thái độ thiện chí, hợp tác của các bên tranh chấp.

+ Kết quả thương lượng không được đảm bảo bằng cơ chế pháp lý mang tính chất bắt buộc.

**2. Hòa giải**

*a. Khái niệm*

- Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp trong đó có sự xuất hiện của bên thứ ba làm trung gian hòa giải để hỗ trợ và thuyết phục các bên tranh chấp tìm kiếm các giải pháp nhằm loại trừ các tranh chấp đã phát sinh.

*b. Đặc điểm*

- Việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải đã có sự xuất hiện của bên thứ ba

- Quá trình hòa giải của các bên cũng không chịu sự chi phối bởi các qui định có tính khuôn mẫu, bắt buộc của PL về thủ tục hòa giải

- Kết quả hòa giải thành được thực thi phụ thuộc vào sự tự nguyện của các bên tranh chấp

*c. Các loại hòa giải*

- Hòa giải ngoài tổ tụng

- Hòa giải trong hoạt động tổ tụng

- Hòa giải thương mại

*d. Ưu điểm và hạn chế*

- Ưu điểm:

- + Đơn giản, linh hoạt, hiệu quả và ít tốn kém
- + Có sự tham gia của người thứ ba – người có kinh nghiệm, uy tín, am hiểu vấn đề tranh chấp
- + Kết quả hòa giải được ghi nhận và chứng kiến bởi người thứ ba nên mức độ tuân thủ các cam kết cao hơn

- Hạn chế:

- + Kết quả hòa giải và thực hiện kết quả vẫn phụ thuộc vào thiện chí và sự tự nguyện của các bên
- + Do có sự tham gia của trung gian nên ảnh hưởng đến uy tín và bí mật kinh doanh của các bên
- + Chỉ phí tốn kém hơn thường lượng do phải trả dịch vụ cho bên trung gian

**3. Tòa án**

*a. Khái niệm*

*\* Định nghĩa:*

- Là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động của cơ quan tài phán nhà nước, nhân danh quyền lực nhà nước để đưa ra phán quyết buộc các bên thi hành

*\* Đặc điểm:*

- Tòa án là cơ quan tài phán nhà nước để giải quyết tranh chấp
- Tổ tụng tòa án tuân thủ trình tự, thủ tục chặt chẽ của pháp luật về tố tụng
- Tòa án giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc xét xử công khai
- Việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo nguyên tắc xét xử 2 cấp: Sơ thẩm và phúc thẩm

→ Thủ tục xét đặc biệt: Giám đốc thẩm, tái thẩm

- Tòa án giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số
- Phán quyết của tòa án được bảo đảm thực thi bởi sức mạnh cưỡng chế của nhà nước

b. Thẩm quyền của tòa án

- Những tranh chấp về thương mại, kinh doanh thuộc thẩm quyền của tòa án

**(Đ30 BLTTDS 2015)**

\* Thẩm quyền của tòa án theo cấp

- TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm: Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

**(Điều 35 BLTTDS 2015)**

\* Thẩm quyền của tòa án theo cấp

- TAND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm:

+ Những tranh chấp thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện mà TAND cấp tỉnh tự mình lấy lên để giải quyết khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của Tòa án nhân dân cấp huyện.

+ Những tranh chấp thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện có yếu tố nước ngoài

+ Những tranh chấp không thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện

**(Điều 37 BLTTDS 2015)**

\* Thẩm quyền của tòa án theo Tòa chuyên trách

- Tòa dân sự TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp thuộc TAND cấp huyện (**Khoản 1 Điều 30 BLTTDS 2015**).
- Tòa kinh tế TAND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp thuộc TAND cấp tỉnh (**Khoản 2,3,4 Điều 30 BLTTDS 2015**).

**(Điều 36, 38 BLTTDS 2015).**

\* *Thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ*

(Khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015).

\* *Thẩm quyền của tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn*

(Khoản 1 Điều 40 BLTTDS 2015).

c. *Trình tự, thủ tục tố tụng tòa án*

Xét xử sơ thẩm → Xét xử phúc thẩm → Giám đốc thẩm, Tái thẩm.

Trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm: Khởi kiện → Thụ lý → Hòa giải và chuẩn bị xét xử → Tranh tụng tại phiên tòa.

#### 4. *Trọng tài thương mại*

a. *Khái niệm*

\* *Định nghĩa*

- Là phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại được các bên thỏa thuận và được tiến hành theo trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật về trọng tài thương mại quy định

\* *Đặc điểm*

- Trọng tài thương mại là tổ chức phi chính phủ hoạt động không phải nguồn vốn được cấp từ ngân sách nhà nước, gồm:

+ Trọng tài thường trực (Trọng tài quy chế)

+ Trọng tài vụ việc (Trọng tài thành lập theo sự thỏa thuận của các bên)

- Về nguyên tắc, trọng tài thương mại chỉ có thẩm quyền giải quyết nếu các bên có thỏa thuận trọng tài.

- Cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài là sự kết hợp giữa yếu tố thỏa thuận và tài phán

→ Trong hình thức giải quyết tranh chấp bằng TTTM các bên có thể thỏa thuận lựa chọn:

+ Trọng tài viên



+ Địa điểm giải quyết tranh chấp

+ Quy tắc tố tụng

- Phán quyết của TTJM có giá trị chung thẩm

- Tòa án đảm bảo việc thực thi các quyết định của TTJM thông qua trình tự công nhận và cho thi hành

b. *Thỏa thuận trọng tài.*

- Về nội dung, thỏa thuận trọng tài phải về những tranh chấp thuộc thẩm quyền của TTJM

- Về tính chất, thỏa thuận trọng tài phải được lập trước hoặc sau khi phát sinh tranh chấp

- Về thẩm quyền, thỏa thuận trọng tài phải được ký kết bởi chủ thể có thẩm quyền

- Về hình thức, thỏa thuận trọng tài phải được lập thành văn bản, hoặc một trong các dạng khác được PL thừa nhận, như: Fax, telex, thư điện tử,...

c. *Thủ tục tố tụng trọng tài.*

Khởi kiện → Thành lập hội đồng trọng tài → Phiên họp giải quyết tranh chấp → Quyết định trọng tài → Thi hành quyết định trọng tài.

## Chương V: Pháp luật về phá sản

### I. Khái quát về phá sản

#### 1. Khái niệm

"Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản."

"Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán."

(Khoản 1, 2 Điều 4 LPS 2014)

\* Phá sản – thủ tục phục hồi DN hoặc thanh lý nợ đặc biệt

- Thủ tục phục hồi DN đặc biệt:
- + Là thủ tục tư pháp do TA quyết định.
- + Là một giai đoạn trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản DN.
- + Được thực hiện dưới sự giám sát chặt chẽ của TA và các chủ nợ.
- Thủ tục thanh lý nợ đặc biệt:
- + Mang tính tập thể.
- + Tiến hành thông qua TA.
- + Được tiến hành trên cơ sở số tài sản còn lại của DN (trừ chủ DNTN và TVHD)
- + Phải tuân theo trình tự và nguyên tắc luật định

#### 2. Phân loại phá sản

- Căn cứ vào tính chất của tình trạng mất khả năng thanh toán khoản nợ đến hạn:
  - + Phá sản trung thực
  - + Phá sản gian trá
- Căn cứ vào chủ thể đề đơn yêu cầu tuyên bố phá sản:
  - + Phá sản tự nguyện

+ Phá sản bắt buộc

- Căn cứ vào đối tượng bị phá sản:

+ Phá sản doanh nghiệp

+ Phá sản hợp tác xã

### 3. Phân biệt phá sản với giải thể

	Phá sản	Giải thể
Lý do	Mất khả năng thanh toán; không thực hiện thanh toán khoản nợ trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày đến hạn	Không đồng nhất với các loại hình DN và rộng hơn lý do PS.
Bản chất của thủ tục	Là thủ tục tư pháp	Là thủ tục hành chính.
Hậu quả pháp lý	Ko phải bao giờ cũng dẫn đến DN, HTX chấm dứt hoạt động và bị xóa tên trong sổ ĐKKD	Là thủ tục hành chính.
Thái độ của NN	NN có thể hạn chế quyền tự do doanh đối với CSH hay người quản lý điều hành	Là thủ tục hành chính.

### 4. Vai trò của pháp luật phá sản

- Là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đầu tư.
- Góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.
- Là công cụ tổ chức lại DN, HTX kd thua lỗ và góp phần cơ cấu lại nền KT.
- Góp phần thiết lập trật tự, kỷ cương trong xã hội.

II. Trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản

#### 1. Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản

a. Quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục PS

( Khoản 1,2,5,6 Điều 5 L. PS 2014 )

b. Nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục PS

(Khoản 3,4 Điều 5 LPS 2014)

c. Thẩm quyền giải quyết yêu cầu PS

(Điều 8 Luật Phá sản 2014)

d. Thủ lý đơn yêu cầu mở thủ tục PS

Nộp đơn (Điều 26 → 30 LPS 2014) → TA xử lý đơn (Điều 32 LPS 2014)

- Nộp lệ phí: Nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản (Điều 38 LPS 2014) → Thủ lý đơn (Điều 39,40 LPS 2014)
- Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn (Điều 34 LPS 2014)
- Chuyển đơn cho TA có thẩm quyền (Điều 33 LPS 201)
- Trả lại đơn (Điều 35 LPS 2014)

e. Mở thủ tục phá sản

(Điều 42 LPS 2014)

f. Các công việc phải làm sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản

- Chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Điều 45 LPS 2014)
- Kiểm kê tài sản (Điều 65 LPS 2014)
- Gửi giấy đòi nợ (Điều 66 LPS 2014)
- Lập danh sách chủ nợ (Điều 67 LPS 2014)
- Lập danh sách người mắc nợ (Điều 68 LPS 2014)

\* Quản tài viên, DN quản lý, thanh lý TS

LPS 2014 quy định cá nhân, doanh nghiệp được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong quá trình giải quyết phá sản gồm: Quản tài viên và Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

- QTV (Điều 12 LPS 2014)
- DN quản lý, thanh lý TS (Điều 13 LPS 2014)
- Cá nhân không được hành nghề quản lý, thanh lý TS (Điều 14 LPS 2014)

\* Các quy định nhằm bảo toàn tài sản của DN, HTX

- Tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu DN, HTX mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản (**Điều 41 LPS 2014**)
- Hoạt động của DN, HTX bị cấm sau khi có QĐ mở TTPS (**Điều 48 LPS 2014**)
- Giám sát hoạt động của DN, HTX sau khi có QĐ mở TTPS (**Điều 49 LPS 2014**)
- Giao dịch bị coi là vô hiệu (**Điều 59, 60 LPS 2014**)
- Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện HĐ đang có hiệu lực (**Điều 61 LPS 2014**)
- Đăng ký GD bảo đảm của DN, HTX mất khả năng thanh toán (**Điều 69 LPS 2014**)
- Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (**Điều 70 LPS 2014**)
- Tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án DS hoặc giải quyết VA (**Điều 71, 72 LPS 2014**)

## 2. Hội nghị chủ nợ

Thủ tục phục hồi

Tuyên bố DN PS

Đình chỉ giải quyết PS

- Triệu tập Hội nghị chủ nợ (**Điều 75 LPS 2014**)
- Thành phần tham gia Hội nghị chủ nợ (**Điều 77,78 LPS 2014**)
- Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ (**Điều 79 LPS 2014**)
- Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ (**Khoản 1, Điều 81 LPS 2014**)
- Thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ (**Khoản 2, Điều 81 LPS 2014**)

*\* Nội dung cần quan tâm*

**Điều 79. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ**

→ *Chỉ căn cứ trên số nợ, không quan tâm đến số lượng chủ nợ*

→ *Thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ*

- Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trừ lên biểu quyết tán thành.
- Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các chủ nợ.

**(Điều 81 LPS 2014)**

**3. Phục hồi hoạt động kinh doanh**

HNCN lần 1 (ra QĐ đồng ý PH HDKD) → TP ra QĐ áp dụng thủ tục PH → DN, HTX, CT khác xây dựng phương án PH (trong 30 ngày) → TP xem xét (trong 15 ngày) (triệu tập 10 ngày) → HNCN lần tiếp theo (ra NQ thông qua phương án PH) → TP ra QĐ công nhận NQ → Thực hiện phương án PH HDKD

\* *Thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh*

- Giám sát thực hiện phương án PHHDKD (Điều 93 LPS 2014)
- Thời hạn thực hiện phương án PHHDKD (Điều 89 LPS 2014)
- Sửa đổi, bổ sung phương án PHHDKD (Điều 94 LPS 2014)
- Đình chỉ thủ tục PHHDKD (Điều 95 LPS 2014)

**4. Tuyên bố DN, HTX bị phá sản**

- Quyết định tuyên bố phá sản theo thủ tục rút gọn (Điều 105 LPS 2014)
- Quyết định tuyên bố phá sản khi HNCN không thành (Điều 106 LPS 2014)
- Quyết định tuyên bố phá sản sau khi có Nghị quyết của HNCN (Điều 107 LPS 2014)

\* *Hậu quả pháp lý của DN, HTX bị tuyên bố phá sản*

- DN bị xóa tên trong Sổ đăng ký doanh nghiệp
- Không miễn trừ trách nhiệm TS đối với chủ sở hữu DNTN và thành viên hợp danh (Điều 110 LPS 2014)
- Hạn chế quyền thành lập và quản lý DN (Điều 130 LPS 2014)

**5. Thi hành quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản**

- Thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản (Điều 120 LPS 2014)
- Yêu cầu Quản tài viên, DN quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản (Điều 121 LPS 2014)
- Định giá tài sản (Điều 122 LPS 2014)
- Bán tài sản (Điều 124 LPS 2014)
- Thu hồi tài sản trong trường hợp có vi phạm (Điều 125 LPS 2014)

\* *Công việc trước khi phân chia tài sản*

- Xác định tiền lãi đối với khoản nợ (Điều 52 LPS 2014)

- Xử lý các khoản nợ có bảo đảm (Điều 53 LPS 2014)

*\* Thứ tự phân chia tài sản (Điều 54 LPS 2014)*

- Thứ nhất: Phí phá sản
- Thứ hai: Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội
- Thứ ba: Các khoản nợ phát sinh sau khi mở TTPS nhằm mục đích PHHĐKD
- Thứ tư: Nghĩa vụ tài chính đối với NN, nợ không có bảo đảm

*\* Thứ tự phá sản tổ chức tín dụng*

- Quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục PS (Điều 98 LPS 2014)
- Thủ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Điều 99 LPS 2014)
- Hoàn trả khoản vay đặc biệt (Điều 100 LPS 2014)
- Thứ tự phân chia tài sản (Điều 101 LPS 2014)
- Trả lại tài sản nhận ủy thác, nhận giữ hộ khi TCTD bị tuyên bố phá sản và thanh lý tài sản PS (Điều 102 LPS 2014)
- Giao dịch của TCTD trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt (Điều 103 LPS 2014)
- Quyết định tuyên bố TCTD phá sản (Điều 104 LPS 2014)

